

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

KHOA KINH TẾ - LUẬT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**“THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH
PHỐ HÀ NỘI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP”**

NGÀNH ĐÀO TẠO: KINH TẾ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Sinh viên thực tập

Giáo viên hướng dẫn

- Họ và

tên: Nguyễn Thị Thúy Ngân

- Họ và tên: Ths.
Thái Thu Hương

- Lớp: K54F3

- Bộ môn :
Quản lý kinh
tế

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu mang tính khoa học, các số liệu và kết quả nghiên cứu nêu trong báo cáo nghiên cứu khoa học là trung thực, khách quan và chưa từng được công bố trong bất kì một công trình nào khác. Ngoài ra, trong bài nghiên cứu có thể sử dụng một số tài liệu tham khảo đã được chú thích và trích dẫn nguồn cụ thể. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm, kỉ luật của Nhà trường đề ra nếu như có vấn đề gì xảy ra.

Tác giả

Ngân

Nguyễn Thị Thúy Ngân

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới người hướng dẫn khóa luận của tôi, Thạc sỹ Thái Thu Hương về sự hướng dẫn tận tình, sự kiên nhẫn và sự hỗ trợ về phương pháp khoa học và cách thức thực hiện các nội dung của đề tài trong suốt quá trình tôi viết khóa luận. Sự hướng dẫn của thầy đã giúp tôi hoàn thiện bài nghiên cứu của mình.

Thứ hai, tôi muốn gửi lời cảm ơn đến các thầy, cô giáo Trường Đại học Thương mại vì đã truyền đạt cho tôi những kiến thức quý báu trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu để áp dụng vào bài nghiên cứu khoa học của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, bản thân đã nỗ lực hết sức để hoàn thành bài luận. Tuy nhiên, quá trình thực hiện sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy, cô và các bạn để hiểu biết hơn trong lĩnh vực này cũng như hoàn thiện đề tài khóa luận của mình.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2021

Tác giả khóa luận

Ngân

Nguyễn Thị Thúy Ngân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 GRDP của Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU	NGUYÊN NGHĨA
1	BOT	Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao
2	BTO	Xây dựng – Chuyển giao – Vận hành
3	BT	Xây dựng và chuyển giao
4	DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
5	EVFTA	Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-Châu Âu
6	FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
7	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
8	GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
9	NĐT	Nhà đầu tư
10	NQ-CP	Nghị quyết của Chính phủ
11	ODA	Vốn hợp tác phát triển chính thức
12	PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
13	QLNN	Quản lý nhà nước
14	QĐ	Quyết định
15	VCCI	Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam
16	UBND	Ủy ban nhân dân
17	USD	Đô la Mỹ

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	1
LỜI CẢM ƠN	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
LỜI MỞ ĐẦU	8
1. Tính cấp thiết của đề tài	8
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.	8
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	9
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	10
5. Phương pháp nghiên cứu	10
6. Bố cục của bài	10
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐỊA PHƯƠNG.	11
1.1 TỔNG QUAN VỀ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	11
1.1.1. Đầu tư và đầu tư phát triển	11
1.2 VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI	12
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của vốn FDI	12
1.2.2. Các hình thức đầu tư vốn trực tiếp nước ngoài	13
1.2.3 Nội dung thu hút vốn FDI vào địa phương	16
1.2.3.1. Lập kế hoạch thu hút	16
1.2.3.2. Tổ chức thực hiện	18
1.2.3.3. Kiểm tra đánh giá	18
1.2.4 Vai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	18
1.3 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐỊA PHƯƠNG	20
1.3.1 Nhân tố từ môi trường kinh tế vĩ mô	20

<i>1.3.2 Nhân tố nội tại của địa phương tiếp nhận vốn FDI</i>	<i>21</i>
<i>1.3.3. Nhân tố liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài</i>	<i>21</i>
1.4. CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐỊA PHƯƠNG.	21
<i>a. Các công cụ quản lý trong QLNN đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	<i>21</i>
1.5. KINH NGHIỆM CHO VIỆC THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TỪ CÁC TỈNH THÀNH PHỐ KHÁC Ở VIỆT NAM	25
<i>1.5.1 Kinh nghiệm từ một số tỉnh</i>	<i>25</i>

1.5.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Hà Nội.	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ HÀ NỘI	29
2.1. Đặc điểm kinh tế, xã hội Thành phố Hà Nội ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	29
2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng của Thành phố	29
2.1.2 Đặc điểm kinh tế, xã hội	31
2.2 Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Hà Nội	32
2.2.1. Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo nhà đầu tư.	32
2.2.2. Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo lĩnh vực đầu tư.	33
2.2.3 Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy mô và chất lượng đầu tư.	34
2.3. Tác động của các dự án FDI đến phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội	35
2.4 Tình hình thực hiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	36
2.4.1 Hoạch định, ban hành kế hoạch, xây dựng bộ máy quản lý, pháp luật, Bổ sung sửa đổi cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; tăng cường cải cách thủ tục hành chính	36
2.4.2. Công tác hỗ trợ và xúc tiến đầu tư	37
2.5 Những thành công đã đạt được, hạn chế và nguyên nhân	38
2.5.1 Thành công:	38
2.5.2 Hạn chế và nguyên nhân	39
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ NHẪM THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THỜI GIAN TỚI.	42

3.1. Định hướng phát triển và mục tiêu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	42
3.1.1. Định hướng phát triển FDI trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	42
3.1.2. Mục tiêu thu hút FDI trên địa bàn Thành phố Hà Nội	42
3.1.3. Xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài	42
3.1.3.1. Xu hướng đầu tư ở Việt Nam.	42
3.1.3.2. Xu hướng đầu tư FDI tại Việt Nam.	43
3.2. Đề xuất giải pháp nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	44

<i>a, Hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải tiến thủ tục hành chính liên quan đến thu hút vốn FDI trên địa bàn Thành phố.</i>	44
<i>b, Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để thu hút vốn FDI</i>	45
<i>c, Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật để thu hút vốn FDI</i>	45
<i>d, Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn lao động của các doanh nghiệp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài</i>	45
<i>e, Chống chuyển giá trong quá trình thu hút vốn FDI.</i>	46
<i>f, Bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình thu hút FDI vào Thành phố.</i>	46
<i>g, Cải cách hành chính</i>	46
<i>h, Tăng cường thu hút kỹ thuật – công nghệ cao trong các doanh nghiệp FDI</i>	47
<i>k, Giải pháp khác</i>	47
3.3. Một số kiến nghị đối với cơ quan hữu quan.	48
KẾT LUẬN	50
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	51

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cùng với xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế - xã hội, đầu tư trực tiếp nước ngoài đang có xu hướng ngày càng gia tăng mạnh mẽ và có vai trò to lớn với sự phát triển kinh tế nước ta. Đối với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta xác định vốn trong nước là quyết định những vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng có vai trò hết sức quan trọng. Hơn nữa ngoài ý nghĩa về vốn, thì đầu tư trực tiếp nước ngoài còn giúp chúng ta tiếp thu công nghệ hiện đại và những kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

Thông qua việc phân cấp triệt để và toàn diện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp thực hiện quản lý các dự án vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên phạm vi địa phương, các tỉnh và thành phố đã có những biện pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hiệu quả và đạt được những kết quả đáng kể. Cùng với sự phát triển của các thành phố đầu tàu kinh tế, trong nhiều năm qua Thành phố Hà Nội đã đưa ra những chính sách, giải pháp sáng tạo và đạt được những thành tựu quan trọng trong thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài góp phần quan trọng vào tăng trưởng phát triển kinh tế của Thành phố, tạo việc làm cho người lao động và có tác động đáng kể tới phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố vẫn còn thiếu tính bền vững: quy mô các dự án vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhỏ, cơ cấu các doanh nghiệp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài còn chưa hợp lý, thiếu các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao,... Do đó, cần phải tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, củng cố niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài, tạo điều kiện để thành phần kinh tế này phát triển,...

Xuất phát từ thực tiễn của địa phương, tác giả lựa chọn đề tài “Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào thành phố Hà Nội” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Nghiên cứu về thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam cũng như tác động của chúng đến quá trình phát triển kinh tế của đất nước đã được nhiều tổ chức hoặc các học giả thực hiện. Có thể kể đến như:

- Tô Thị Lan Anh (2007), “Đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc: Thực trạng và giải pháp”. Luận văn Thạc sỹ kinh tế đầu tư Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân. Luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh

Vĩnh Phúc từ 1997 – tháng 4/2007 và đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư FDI vào tỉnh để phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010..

- Đặng Thành Cương (2012) với Luận án tiến sỹ “Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nghệ An”, đã đưa ra một số vấn đề lý luận về thu hút FDI vào địa phương, phân tích đánh giá thực trạng thu hút và hiệu quả vốn FDI ở tỉnh Nghệ An,

đánh giá được sự thành công và hạn chế. Từ đó đề xuất một số giải pháp cụ thể để tăng cường thu hút FDI vào Nghệ An.

- Nguyễn Mạnh Hùng (2014), “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thái Bình”. Luận văn thạc sỹ Quản lý kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Hà Nội. Luận văn đã đưa ra các hạn chế dẫn đến kết quả có sự mất cân bằng trong hút vốn FDI và các giải pháp tăng cường thu hút FDI trên địa bàn tỉnh.
- Nguyễn Thị Thu Hương (2017), “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Vĩnh Phúc”. Luận văn thạc sỹ, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội. Luận văn phân tích làm rõ tác động hai mặt của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo các phương diện kinh tế, xã hội, môi trường. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra những giải pháp để thu hút hiệu quả hơn nữa nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015 – 2025, tầm nhìn 2030.
- Thái Bình Nam (2018), “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Hà Tĩnh”. Luận văn thạc sỹ, Đại học kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Tĩnh trong thời gian qua, rút ra những kết quả đạt được, ưu điểm cần kế thừa và phát huy, chỉ ra những hạn chế yếu kém và nguyên nhân, đề xuất một số giải pháp khắc phục.

Những nghiên cứu trên đã đề cập đến: Lý luận về vốn FDI, đều có phân tích thực trạng về vốn FDI ở Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có bài nghiên cứu nào đi sâu vào nghiên cứu thu hút vốn FDI vào thành phố Hà Nội, vì vậy tác giả muốn đi sâu nghiên cứu vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

cứu * Mục đích nghiên cứu:

- Đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Hà Nội từ 2015 – quý 3 của năm 2021.
- Đề xuất quan điểm và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn FDI vào Thành phố trong tương lai.

*** Nhiệm vụ nghiên cứu:**

- Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận có tính khoa học về thu hút vốn FDI vào địa phương.

- Khảo sát kinh nghiệm của một số địa phương về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.
- Phân tích thực trạng thu hút vốn FDI, chỉ ra những nhân tố cơ bản tác động đến kết quả thu hút vốn FDI ở thành phố Hà Nội trong thời gian qua.
- Đánh giá những thành tựu đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của nó.

- Trên cơ sở lý luận thực tiễn, đề xuất phương hướng và các giải pháp cho việc thu hút vốn FDI vào Thành phố trong tương lai gần.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Bài luận nghiên cứu giải pháp thu hút vốn FDI vào địa phương.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Về không gian: trên địa bàn Thành phố Hà Nội.
 - + Về thời gian: từ năm 2015 đến năm 2021.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận cơ bản của luận văn là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, bên cạnh đó cũng có sử dụng một số phương pháp cụ thể sau:

- Phương pháp thống kê: Việc sử dụng phương pháp thống kê để tổng hợp các dữ liệu phục vụ cho quá trình phân tích. Bài luận sử dụng các số liệu thống kê thích hợp để phục vụ cho phân tích quá trình thu hút vốn FDI ở Thành phố Hà Nội, từ đó rút ra nhận xét, đánh giá về thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào thành phố.
- Phương pháp phân tích tổng hợp: được sử dụng để tổng hợp và phân tích các số liệu thu được để đưa ra những kết luận về hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Nội. Chỉ ra những thực tiễn, tổng hợp thông tin với công tác thu hút vốn FDI. Dựa trên cơ sở phân tích thực trạng thu hút FDI vào địa phương thu thập được, tiến hành đánh giá, tổng hợp, tính toán và chọn lọc để đưa vào nghiên cứu một cách phù hợp nhất.
- Phương pháp so sánh, đối chiếu: là phương pháp được sử dụng khá nhiều trong nghiên cứu khoa học. Trong đề tài này, phương pháp so sánh được sử dụng trên các mặt như: so sánh nguồn vốn FDI được thu hút qua từng năm, từng nhà đầu tư. So sánh về sự thay đổi, sự cải tiến trong cách thu hút nguồn vốn, chính sách kế hoạch thay đổi linh hoạt dựa trên những sự vận động của dòng vốn FDI trên thế giới.

6. Bố cục của bài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của khóa luận được kết cấu thành 3 chương, bao gồm:

- *Chương 1: Cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài.*

- *Chương 2: Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Hà Nội.*

- *Chương 3: giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Hà Nội.*

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐỊA PHƯƠNG.

1.1 TỔNG QUAN VỀ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1.1.1. Đầu tư và đầu tư phát triển

Cho đến nay, có khá nhiều các khái niệm khác nhau về đầu tư. Các khái niệm này có thể đứng ở các góc độ khác nhau với các cách tiếp cận khác nhau về trình bày cụ thể cũng không hoàn toàn giống nhau.

Chẳng hạn theo nghĩa rộng, trên quan điểm vĩ mô, các tác giả William F. Sharpe, Gordon J. Alexander, David J. Flower cho rằng: Đầu tư có nghĩa là sự hi sinh giá trị chắc chắn ở hiện tại để đạt được giá trị (có thể không chắc chắn) trong tương lai [Investment means the sacrifice of certain present value for (possibly uncertain) future value]. Giá trị ở hiện tại có thể hiểu là tiêu dùng, còn giá trị tương lai hiểu là năng lực sản xuất có thể làm tăng sản lượng quốc gia. Hoặc cụ thể hơn theo các khía cạnh cụ thể, thì đầu tư có thể hiểu:

* Khái niệm: Đầu tư nói chung là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được kết quả đó.

* Khái niệm về khía cạnh tài sản: Đầu tư chính là quá trình bỏ vốn để tạo ra tiềm lực sản xuất kinh doanh dưới hình thức các tài sản kinh doanh, đó cũng là quá trình quản trị tài sản để sinh lợi.

* Khái niệm về khía cạnh tài chính: Đầu tư là một chuỗi hành động chi của chủ đầu tư và ngược lại chủ đầu tư sẽ nhận được một chuỗi hành động thu để hoàn vốn sinh lời.

* Khái niệm về khía cạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật: Đầu tư là quá trình thay đổi phương thức sản xuất thông qua việc đổi mới và hiện đại hóa phương tiện sản xuất để thay thế lao động thủ công.

* Khái niệm về khía cạnh xây dựng: Đầu tư xây dựng là quá trình bỏ vốn nhằm tạo ra các tài sản vật chất dưới dạng các công trình xây dựng.

Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù tiếp cận ở các góc độ khác nhau, có mục tiêu khác nhau và trình bày cụ thể không hoàn toàn giống nhau nhưng nội hàm của các khái niệm đầu tư đều thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp hành vi, hoặc quá trình sử dụng các nguồn lực (vật chất, phi vật chất) nhằm đáp ứng mục tiêu hoặc kết quả xác định. Quá

trình sử dụng nguồn lực cũng không làm mất đi giá trị mà chỉ làm thay đổi hình thái thể hiện giá trị của nguồn lực.

Dưới góc độ là một môn khoa học nghiên cứu những quy luật kinh tế vận động trong lĩnh vực đầu tư thì hoạt động đầu tư được hiểu như sau: ***Đầu tư*** là quá trình sử dụng phối hợp các nguồn lực trong một khoảng thời gian xác định nhằm đạt được kết quả hoặc một tập hợp các mục tiêu xác định trong điều kiện kinh tế - xã hội nhất định.

Nguồn lực phải hy sinh đó có thể là tiền, là tài nguyên thiên nhiên, là sức lao động và trí tuệ.

Những kết quả sẽ đạt được có thể là sự tăng thêm về mặt giá trị các tài sản tài chính (tiền vốn), hoặc tăng thêm năng lực sản xuất, năng lực phục vụ của tài sản vật chất (nhà máy, đường sá, bệnh viện, trường học,...), tài sản trí tuệ (trình độ văn hóa, chuyên môn, quản lý, khoa học kỹ thuật,...) và nguồn nhân lực có đủ điều kiện làm việc với năng suất lao động cao hơn trong nền sản xuất xã hội.

Trong những kết quả đã đạt của hoạt động đầu tư có thể có những kết quả trực tiếp và có những kết quả gián tiếp. Lợi ích do các kết quả đầu tư mang lại có thể là lợi ích trực tiếp cho chủ đầu tư tuy nhiên cũng có thể là các lợi ích gián tiếp cho toàn bộ nền kinh tế và toàn bộ xã hội. Chẳng hạn, một nhà máy được xây dựng, tài sản vật chất của người đầu tư trực tiếp tăng thêm, đồng thời tài sản vật chất, tiềm lực sản xuất của một nhà kinh tế cũng được tăng thêm. Lợi ích trực tiếp do gia tăng năng lực của một nhà máy có thể đem lại cho nhà đầu tư lợi nhuận. Những lợi ích gián tiếp của nó sẽ là mang lại cho nền kinh tế mức độ thỏa mãn cao hơn về tiêu dùng, mức độ đóng góp cho ngân sách, giải quyết việc làm cho người lao động,... Các lợi ích này có thể được xác định thông qua mục tiêu hoặc một tập hợp mục tiêu cụ thể cho mỗi hoạt động đầu tư trong điều kiện cụ thể của nền kinh tế trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định.

1.2 VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của vốn FDI

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (tiếng Anh: Foreign Direct Investment, viết tắt là FDI) Theo Luật đầu tư 2005, “Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư” và “Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.”. Theo Tổ chức Thương mại thế giới, đầu tư trực tiếp nước ngoài xảy ra khi một nước (nước chủ đầu tư) có được tài sản ở một nước khác (nước tiếp nhận đầu tư) cùng với quyền quản lý tài sản đó. Phương diện quản lý là thứ để phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Trong phần lớn trường hợp, cả nhà đầu tư lẫn tài sản mà người đó quản lý ở nước ngoài là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp đó, nhà đầu tư hay thường được gọi là “công ty mẹ”, và các tài sản được gọi là “công ty con” hay “chi nhánh công ty.” Tuy nhiên, trong bài, tác giả theo quan điểm của Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013), Kinh tế Đầu tư, trường Đại học Kinh tế quốc dân, theo đó “Đầu tư trực tiếp nước ngoài là hình thức đầu tư mà chủ sở hữu vốn (thường là doanh nghiệp) mang nguồn lực của mình sang một quốc gia

khác để thực hiện hoạt động đầu tư, trong đó chủ sở hữu vốn trực tiếp tham gia vào quá trình đầu tư và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư”.

Khác với nguồn vốn hỗ trợ và phát triển hình thức (ODA), mục đích của nhà đầu tư trong hình thức FDI là tìm kiếm lợi nhuận, vì vậy những lĩnh vực mang lại lợi nhuận cao sẽ thu hút nguồn vốn này. Tiếp nhận nguồn vốn này, nước nhận đầu tư không phải đối mặt với bất cứ ràng buộc nào vì đây không phải là vốn vay.

- Đặc điểm:

(1) Đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ gắn liền với việc di chuyển vốn đầu tư, tức là tiền và các loại tài sản khác giữa các quốc gia, hệ quả là làm tăng lượng tiền và tài sản của nền kinh tế nước tiếp nhận đầu tư và làm giảm lượng tiền và tài sản nước đi đầu tư mà còn gắn liền với chuyển giao công nghệ, chuyển giao kiến thức và kinh nghiệm quản lý và tạo ra thị trường mới cho cả phía đầu tư và phía nhận đầu tư.

Các chủ đầu tư góp một lượng vốn tối thiểu tùy theo quy định của mỗi nước nhận đầu tư để họ có quyền trực tiếp tham gia điều phối, quản lý quá trình sản xuất – kinh doanh.

Ở Việt Nam, Luật Đầu tư cũng đã đưa ra điều kiện: “phần vốn góp của bên nước ngoài hoặc các bên nước ngoài vào vốn pháp định của doanh nghiệp liên doanh không bị hạn chế về mức cao nhất theo sự thỏa thuận của các bên, nhưng không dưới 30% vốn pháp

định, trừ những trường hợp do Chính phủ quy định”.

(2) Được tiến hành thông qua việc bỏ vốn thành lập các doanh nghiệp mới (liên doanh hoặc sở hữu 100% vốn), hợp đồng hợp tác kinh doanh, mua lại các chi nhánh hoặc doanh nghiệp hiện có, mua cổ phiếu ở mức khống chế hoặc tiến hành các hoạt động hợp nhất và chuyển nhượng doanh nghiệp.

(3) Nhà đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoàn toàn vốn đầu tư hoặc cùng sở hữu vốn đầu tư với một tỷ lệ nhất định đủ mức tham gia quản lý trực tiếp hoạt động của doanh nghiệp.

(4) Là hoạt động của tư nhân, chịu sự điều tiết các quan hệ thị trường trên quy mô toàn cầu, ít bị ảnh hưởng của các mối quan hệ chính trị giữa các nước, các chính phủ và mục tiêu cơ bản luôn là đạt lợi nhuận cao.

(5) FDI hiện nay gắn liền với các hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia, với khả năng sản xuất và kinh doanh hiệu quả ở mức khá cao.

(6) Nhà đầu tư trực tiếp kiểm soát và điều hành quá trình vận động của dòng vốn đầu tư.

(7) Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào trong nước và đầu tư từ trong nước ra nước ngoài, do vậy bao gồm cả vốn di chuyển vào một nước và dòng vốn di chuyển ra khỏi nền kinh tế của nước đó.

1.2.2. Các hình thức đầu tư vốn trực tiếp nước ngoài

Có nhiều tiêu thức khác nhau để xác định hình thức phổ biến của FDI:

**Xét theo mục đích đầu tư*

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo chiều ngang: là việc một công ty tiến hành đầu tư trực tiếp vào chính ngành sản xuất mà họ đang có lợi thế cạnh tranh một loại sản

phẩm nào đó. Với lợi thế này, họ muốn tìm kiếm lợi nhuận cao hơn ở nước ngoài nên đã mở rộng và thôn tính thị trường nước ngoài. Hình thức này thường dẫn đến cạnh tranh độc quyền mà Mỹ, Nhật Bản đang dẫn đầu việc đầu tư này ở các nước phát triển.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo chiều dọc: Với mục đích khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên và các yếu tố đầu vào rẻ như lao động, đất đai,... của các nước nhận đầu tư, các nhà đầu tư thường khai thác các lợi thế cạnh tranh đó để hoàn thiện lắp ráp

ở nước chủ nhà. Sau đó các sản phẩm được bán trên thị trường quốc tế. Đây là hình thức khá phổ biến của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các nước đang phát triển.

** Xét theo cách thức đầu tư*

FDI được thực hiện qua hai kênh chủ yếu: đầu tư mới và mở rộng (GI); mua lại và sáp nhập (Cross – border M&As).

- Đầu tư mới và mở rộng là kênh đầu tư mà các nhà đầu tư thực hiện thông qua việc xây dựng các doanh nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô doanh nghiệp đã đầu tư từ trước. Hình thức đầu tư này bổ sung thêm vốn vào nước nhận đầu tư nên tạo thêm việc làm, mở rộng hoặc đầu tư chiều sâu cho sản xuất, thúc đẩy cạnh tranh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Mua lại và sáp nhập là kênh đầu tư mà nhà đầu tư tiến hành đầu tư thông qua việc mua lại và sáp nhập các doanh nghiệp hiện có ở nước ngoài hoặc mua cổ phần của các công ty cổ phần. Hình thức này chủ yếu là chuyển đổi sở hữu các doanh nghiệp thuộc sở hữu của nước chủ nhà sang sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài. Thông qua hình thức mua lại và sáp nhập, quy mô doanh nghiệp được mở rộng, thay đổi phương thức tổ chức quản lý, nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường,... đây là hình thức FDI tương đối phổ biến tại các nước phát triển và các nước công nghiệp mới. Ở nước ta hiện nay, kênh đầu tư này còn chưa nhiều và hạn chế bởi giới hạn quy định về cổ phần của người nước ngoài ở các công ty Nhà nước.

** Xét theo hình thức sở hữu*

- Doanh nghiệp liên doanh: Đây là hình thức FDI qua đó pháp nhân mới được thành lập gọi là doanh nghiệp liên doanh. Doanh nghiệp mới này do hai hoặc nhiều bên hợp tác thành lập tại nước chủ nhà trên cơ sở hợp đồng liên doanh. Hình thức này có các đặc trưng: pháp nhân mới được thành lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, có tư cách pháp nhân theo pháp luật của nước chủ nhà. Mỗi bên tham gia vào doanh nghiệp liên doanh là một pháp nhân độc lập với các bên tham gia. Khi các bên đã đóng góp đủ số vốn đã quy định vào liên doanh thì dù một bên có phá sản,

doanh nghiệp liên doanh vẫn tồn tại. Mỗi bên liên doanh chịu trách nhiệm với bên kia, với doanh nghiệp liên doanh trong phạm vi phần vốn góp của mình vào vốn pháp định.

- Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài: Đây là doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu của tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài thành lập, tự quản lý, điều hành và hoàn

toàn chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Đây là hình thức chủ yếu của FDI ở nước ta hiện nay.

- Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp pháp: Đây là hình thức đầu tư trực tiếp, hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết giữa hai hay nhiều bên (gọi là các bên hợp tác kinh doanh) để tiến hành một hoặc nhiều hoạt động kinh doanh ở nước nhận đầu tư, trong đó quy định trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh cho mỗi bên tham gia mà không cần thành lập xí nghiệp liên doanh hoặc pháp nhân mới. Hình thức này không làm hình thành một công ty hay một xí nghiệp mới. Mỗi bên vẫn hoạt động với tư cách pháp nhân độc lập của mình trước nhà nước.

**Xét theo phương thức đầu tư*

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh là hình thức đầu tư được ký kết giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh, phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập pháp nhân.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết giữa hai bên hoặc các bên để tiến hành một hoặc nhiều hoạt động kinh doanh, trong đó quy định trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh cho mỗi bên. Đối tượng, nội dung hợp tác, thời hạn kinh doanh và nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi bên, quan hệ hợp tác giữa các bên và các tổ chức quản lý do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng. Hình thức đầu tư này có ưu điểm là giúp giải quyết tình trạng thiếu vốn, khắc phục được tình trạng yếu kém về công nghệ, tạo được thị trường mới, đảm bảo được quyền điều hành dự án của nước sở tại, thu lợi nhuận tương đối ổn định. Tuy nhiên, đối với hình thức này, nước sở tại không tiếp nhận được kinh nghiệm quản lý và công nghệ thường lạc hậu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh thường được thực hiện trong các lĩnh vực mà nước sở tại nắm ưu thế về tài nguyên nhưng khả năng về vốn và công nghệ hạn chế như tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí, khoáng sản và một số tài nguyên khác.

- Hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (BOT): là một phương thức đầu tư trực tiếp, thực hiện trên cơ sở văn bản được ký kết giữa nhà đầu tư nước ngoài (có thể là tổ chức, cá nhân nước ngoài) với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để xây dựng kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng trong một thời gian nhất định, hết thời hạn kinh doanh, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao cho nước chủ nhà công trình đó mà không nhận bồi hoàn bất kỳ khoản nào.

Hợp đồng BOT thường được thực hiện bằng 100% vốn nước ngoài, cũng có thể được thực hiện bằng vốn nước ngoài và phần góp vốn của chính phủ hoặc các tổ chức, cá nhân của nước chủ nhà.

- Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (BTO): là phương thức đầu tư dựa trên văn bản ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước chủ nhà và nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng. Sau khi xây dựng

xong, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình cho nước chủ nhà. Nước chủ nhà có thể sẽ dành cho nhà đầu tư quyền kinh doanh công trình đó trong một thời gian nhất định để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hợp lý.

- Hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT): là một phương thức đầu tư nước ngoài trên cơ sở văn bản ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước chủ nhà và nhà đầu tư nước ngoài, để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng. Sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công trình đó cho nước chủ nhà. Chính phủ nước chủ nhà tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án khác để thu hồi vốn đầu tư và lợi nhuận hợp lý.

Các hình thức BOT, BTO, BT có ưu điểm là thu hút vốn đầu tư vào những dự án xây dựng cơ sở hạ tầng với đòi hỏi lượng vốn lớn, thu hồi vốn đầu tư vào những dự án xây dựng cơ sở hạ tầng với đòi hỏi lượng vốn lớn, thu hồi vốn trong thời gian khá dài. Như vậy sẽ làm giảm áp lực cho ngân sách, đồng thời lại có được các công trình hoàn chỉnh để phát huy các nguồn lực khác nhằm phát triển KT – XH. Tuy nhiên, với các phương thức này, nước chủ nhà khó tiếp nhận kinh nghiệm quản lý, công nghệ tiên tiến và khó kiểm soát công trình.

Ngày nay, cùng với sự gia tăng của dòng vốn FDI, thì ngày càng xuất hiện nhiều hình thức đầu tư mới, đa dạng nhằm đưa lại hiệu quả cao cho nhà đầu tư và nước nhận đầu tư.

1.2.3 Nội dung thu hút vốn FDI vào địa phương

1.2.3.1. Lập kế hoạch thu hút

Muốn thu hút vốn FDI, địa phương cần lập kế hoạch thu hút nguồn vốn, có các chương trình hành động, cách chính sách và biện pháp thu hút cụ thể để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Thu hút vốn FDI vào địa phương gồm một số nội dung sau:

- Xúc tiến thu hút vốn đầu tư

Muốn thu hút vốn FDI vào địa phương, cần phải chủ động tiến hành các hoạt động xúc tiến với các nhà đầu tư nước ngoài. Thông qua hoạt động xúc tiến, các địa phương sẽ cung cấp cho các nhà đầu tư nước ngoài những hình ảnh, lợi thế ưu đãi,... Từ đó làm cơ sở cho nhà đầu tư lựa chọn đầu tư. Hình thức, công cụ và phương thức xúc tiến đầu tư thích hợp với địa phương là nhân tố quan trọng trong hoạt động thu hút vốn FDI.

- Các chính sách thu hút vốn FDI vào địa phương

Đơn vị quản lý nhà nước có thẩm quyền ở địa phương cần ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền để khuyến khích, thu hút vốn FDI. Các chính sách thu hút vốn FDI bao gồm:

+ Chính sách liên quan đến cơ cấu ngành kinh tế tại địa phương.

Các địa phương đều có thể nhấn mạnh điểm yếu này tạo ra cơ hội và cũng làm cho địa phương gặp phải nhiều thách thức. Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế và định hướng chung để từ đó khuyến khích phát triển ngành nào và hạn chế ngành nào, vùng nào cần thu hút... đây chính là căn cứ để các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn ngành, vùng để đầu tư trong phạm vi địa phương.

+ Chính sách về hình thức đầu tư, góp vốn và quy hoạch tại địa phương

Để tạo điều kiện thu hút vốn FDI, nước sở tại phải có những quy định cụ thể về góp vốn, hình thức đầu tư và định hướng đầu tư nhằm giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn đầu tư thích hợp nhất. Trong quá trình đầu tư việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được chuyển đổi hình thức đầu tư một cách linh hoạt sẽ tạo thêm tính hấp dẫn trong tìm kiếm cơ hội đầu tư.

+ Chính sách về thuế, phí, lệ phí

Một chính sách thuế thông thoáng, thuận lợi phù hợp với thông lệ quốc tế sẽ tạo sự tin tưởng và yên tâm đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Trong quá trình đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nước nhận đầu tư thông qua việc nộp các loại thuế, phí, lệ phí cho Nhà nước, đây là những loại chi phí kinh doanh, làm giảm lợi nhuận của các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài thường tìm đến nơi chịu mức thuế, phí, lệ phí thấp.

+ Chính sách về đất đai

Địa phương có đất thuận lợi ở nhiều vị trí sẽ là cơ sở để thu hút vốn FDI. Ngoài ra, thủ tục liên quan đến cấp đất, cấp giấy phép xây dựng phải nhanh chóng thuận tiện không làm mất nhiều thời gian ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng và sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài. Hơn nữa, để thu hút vốn FDI vào địa phương cũng cần có những chính sách ưu đãi về đất, giá thuê đất có thể cho các nhà đầu tư thuê với mức thấp nhất theo khung quy định.

+ Chính sách về lao động

Địa phương cần có nguồn lao động đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư. Chất lượng và giá cả sức lao động sẽ ảnh hưởng đến hoạt động thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư có xu hướng di chuyển đầu tư đến những vùng, địa phương có giá nhân công rẻ, dồi dào và chất lượng đáp ứng được yêu cầu.

+ Chính sách hỗ trợ về đầu tư

Việc ban hành các chính sách hỗ trợ phải phù hợp với các quy định chung và không trái với quy định của pháp luật Nhà nước.

- Xây dựng danh mục thu hút đầu tư

Việc xây dựng và công bố danh mục thu hút đầu tư sẽ giúp cho các nhà đầu tư nước ngoài dễ dàng hơn trong việc tìm hiểu và tiếp cận các dự án cũng như thấy rõ chính

sách thu hút, các lĩnh vực ưu tiên và những ưu đãi nhà đầu tư nhận được khi đầu tư vào dự án. Điều này tác động đến việc ra quyết định đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài.

- Cải cách hành chính và quản lý hoạt động đầu tư

Việc cải tiến phải theo hướng tiếp tục đơn giản hóa và giảm bớt các thủ tục không cần thiết, kiên quyết xử lý nghiêm khắc các trường hợp nhũng nhiễu, cửa quyền, tiêu cực của cán bộ công chức.

1.2.3.2. Tổ chức thực hiện

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện.

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh là cơ quan chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban ngành liên quan và địa phương xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư ngoài vốn ngân sách nhà nước và cụ thể từng năm làm cơ sở để xúc tiến đầu tư.

Sở Tài chính bố trí cân đối nguồn vốn ngân sách hàng năm để đảm bảo kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Sở Thông tin và Truyền thông, chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về Kế hoạch này.

1.2.3.3. Kiểm tra đánh giá

Hiện nay Chính Phủ đã ban hành Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/09/2015 về việc giám sát và đánh giá đầu tư thay thế cho Nghị định 113/2009/NĐ-CP. Nếu như trước đây, đối tượng Nghị định 113/2009/NĐ-CP quy định giám sát và đánh giá đầu tư theo 2 loại, là dự án đầu tư sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên và các dự án khác, trong khi trên thực tế, còn rất nhiều dự án đầu tư từ các nguồn vốn khác cũng cần được giám sát và đánh giá đầy đủ.

1.2.4 Vai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Việc phát triển kinh tế - xã hội của một đất nước cần một lượng vốn khá lớn, bên cạnh vốn trong nước thì đối với nguồn vốn từ nước ngoài, FDI luôn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc góp phần xây dựng, phát triển:

- Nguồn vốn đầu tư nước ngoài góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp, tăng tỷ trọng của những ngành quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế là tổng thể mối quan hệ hữu cơ giữa các yếu tố cấu thành nền kinh tế, và nền kinh tế một quốc gia muốn phát triển thì phải có được một cơ cấu kinh tế hoàn thiện, hợp lí, muốn chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả một quốc gia để hướng tới sự hoàn thiện và hợp lí đó không phải là một vấn đề đơn giản; nó cần có sự tham gia của rất nhiều yếu tố trong đó yếu tố nguồn vốn đầu tư đặc biệt là nguồn vốn đầu tư nước ngoài là yếu tố mang tính chất quyết định.

- Nguồn vốn nước ngoài giúp nước nhận đầu tư có một sự quan tâm toàn diện hơn tới các mục tiêu xã hội tạo nền tảng vững chắc để nền kinh tế tăng trưởng và phát triển lâu dài.

Quá trình mở cửa hội nhập kinh tế làm cho số lượng doanh nghiệp tăng lên đáng kể, cùng với đó là nhu cầu về việc làm tăng lên bằng cách tuyển dụng lao động địa phương vào các doanh nghiệp trong khu vực vốn đầu tư nước ngoài, công ăn việc làm cho một bộ phận không nhỏ lao động nhân rỗi trong xã hội đã được giải quyết. Nhìn từ một khía cạnh khác, các nguồn vốn nước ngoài khi vào nước nhận đầu tư có kèm theo một số lượng lớn các nhà đầu tư nước ngoài. Họ có thể tới nước nhận đầu tư với nhiều mục đích khác nhau như thăm dò thị trường đầu tư, giám sát quá trình đầu tư, du lịch... Điều này tạo ra nhu cầu tiêu dùng lớn về các ngành như dịch vụ, du lịch, nhà ở, giải trí... tạo ra thị trường cho nhiều doanh nghiệp cũng như các hộ gia đình khai thác; tiếp tục giải quyết thêm một lượng lớn công ăn việc làm cho người lao động trên quy mô toàn xã hội, tỉ lệ thất nghiệp trong nền kinh tế được cải thiện, các vấn đề về tệ nạn xã hội, nghèo đói vì thế giảm đáng kể.

- Nguồn vốn đầu tư nước ngoài góp phần thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, nâng cao trình độ khoa học công nghệ của nước nhận đầu tư để từ đó, tạo đà tăng trưởng phát triển kinh tế.

Khoa học công nghệ luôn được coi là yếu tố then chốt tác động đến tăng trưởng kinh tế, đây là yếu tố quyết định để các nước có thể đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, cải thiện được cuộc sống, trong đó nguồn vốn đầu tư nước ngoài có vai trò đặc biệt quan trọng

đối với quá trình phát triển khoa học công nghệ thông qua chuyển giao công nghệ, phổ biến công nghệ và phát minh công nghệ. Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài luôn mang theo công nghệ sản xuất cao vào nước tiếp nhận đầu tư, khi đó, nước sở tại sẽ có cơ hội

được tiếp cận và học hỏi các công nghệ cao này. Từ đó, năng lực sản xuất và năng suất lao động được cải thiện và các sản phẩm sản xuất trong nước sẽ nâng cao được tính cạnh tranh trên thị trường thế giới cũng như là so với sản phẩm ngoại nhập, nền tảng công nghệ vững chắc, tiên tiến sẽ là một bộ phận cho nền kinh tế của quốc gia tăng trưởng & phát triển đến một trình độ cao hơn.

- Nguồn vốn đầu tư nước ngoài đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, nâng cao tiềm lực giúp nền kinh tế tăng trưởng và phát triển đồng thời giải quyết tình trạng thất nghiệp.

Không những chuyển giao công nghệ mà các dòng vốn ngoài nước còn tác động gián tiếp tới sự tăng trưởng và phát triển kinh tế thông qua chất lượng của thị trường lao động. Cụ thể, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài phần lớn muốn tận dụng nguồn lao động

đông, giá rẻ ở nước nhận đầu tư, khi đó các doanh nghiệp FDI sẽ phải bỏ ra chi phí, công sức và thời gian không nhỏ để đào tạo 1 nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn

cao, tay nghề giỏi, có năng lực quản lý để sử dụng trong doanh nghiệp của họ...Các dự án FDI cũng tạo ra lượng công ăn việc làm khá nhiều cho mỗi địa phương.

- Đầu tư nước ngoài giúp tiếp cận thị trường quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

Khi có luồng vốn đầu tư nước ngoài vào sẽ tạo ra một thị trường vốn quốc tế mà tại đó các quốc gia có thể thu hút và huy động vốn một cách dễ dàng và hiệu quả. Không những thế, nguồn vốn nước ngoài còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu, giao lưu, trao đổi hàng hoá, tạo điều kiện cho việc mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới.

1.3 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐỊA PHƯƠNG

1.3.1 Nhân tố từ môi trường kinh tế vĩ mô

- Chiến lược thu hút vốn để phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia

Chiến lược này thể hiện tập trung ở một số điểm như: mở cửa thu hút vốn bên ngoài hay không. Giai đoạn nào thì nên tập trung nguồn vốn trong nước hay ngoài nước, đối với nguồn vốn ngoài nước thì nên lựa chọn tập trung vào nguồn nào đi vay thương mại, ODA hay FDI ...Định hướng chiến lược thu hút có ý nghĩa quan trọng để thiết lập các điều kiện để thu hút cho phù hợp. Các địa phương khác nhau ngoài chiến lược thu hút tổng thể của quốc gia sẽ có định hướng, chính sách và mục tiêu riêng để thu hút FDI phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đó.

- Độ mở cửa kinh tế quốc tế của quốc gia tiếp nhận

Tham gia quan hệ kinh tế quốc tế các nước có cơ hội trao đổi thương mại quốc tế, hợp tác quốc tế về kinh tế và khoa học công nghệ, hợp tác đầu tư quốc tế, các dịch vụ thu ngoại tệ,...

- Sự ổn định môi trường kinh tế vĩ mô

Ổn định môi trường kinh tế vĩ mô như ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội là điều kiện hết sức quan trọng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ rất hạn chế khi tham gia đầu tư vào những nước mà có môi trường kinh tế vĩ mô kém ổn định.

- Hệ thống pháp luật đối với nước tiếp nhận vốn FDI

Hệ thống pháp luật của nước sở tại bao gồm các luật liên quan đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài như: Luật đầu tư, các văn bản về quản lý nhà nước trong

hoạt động đầu tư... đây chính là hành lang pháp lý đảm bảo sự an tâm cho các nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời xây hệ thống chính sách kinh tế liên quan đến đầu tư nước ngoài thực sự mềm dẻo, hấp dẫn cũng là điều kiện quan trọng để thu hút vốn FDI như: Chính sách khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài, chính sách quản lý ngoại tệ, chính sách thương mại, các chính sách ưu đãi về tài chính – tiền tệ, chính sách ưu đãi về thuế.

1.3.2 Nhân tố nội tại của địa phương tiếp nhận vốn FDI

- Sự phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương

Thực tế thu hút tại các địa phương trong cả nước cho thấy các dòng vốn chỉ đổ vào nơi nào có hạ tầng phát triển, đủ khả năng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư.

- Lợi thế so sánh của địa phương

Những địa phương có vị trí địa lý thuận lợi sẽ tạo ra khả năng phát triển du lịch, trung chuyển, xuất khẩu, vận chuyển hàng hóa qua các vùng, các khu vực lân cận hay tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng... sẽ có cơ hội thu hút được nhiều FDI.

- Chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương

Chất lượng lao động là một lợi thế cạnh tranh đối với các nhà đầu tư vào lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao hay có sử dụng nhiều công nghệ hiện đại. Ngoài ra yếu tố văn hóa cũng ảnh hưởng tới yếu tố lao động thực sự cần cù, tính kỷ luật, ý thức trong lao động,...

- Thủ tục hành chính liên quan đến FDI tại địa phương

Thủ tục hành chính là một yếu tố rất quan trọng góp phần tạo nên sự thành công của việc thu hút FDI. Thủ tục hành chính càng đơn giản, gọn nhẹ, rõ ràng thì sức hút của môi trường đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài càng lớn.

- Năng lực và tư tưởng nhận thức của lãnh đạo, hoạt động của cơ quan xúc tiến tại địa phương.

Tư tưởng nhận thức, thái độ của lãnh đạo các địa phương sẽ tạo điều kiện thuận lợi, chủ động trong việc tìm đối tác đầu tư nước ngoài phù hợp để thu hút được các nguồn vốn FDI về với địa phương của mình. Sự chủ động và hoạt động hiệu quả của các cơ quan xúc tiến cũng là một trong những nhân tố quan trọng để thu hút được nhiều vốn FDI vào các vùng này.

1.3.3. Nhân tố liên quan đến các nhà đầu tư nước ngoài

- (1) Môi trường kinh tế thế giới, (2) Hướng dịch chuyển của dòng FDI quốc tế,
- (3) Chiến lược đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài, (4) Tiềm lực tài chính, năng lực kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài.

1.4. CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ VÀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VỀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO ĐỊA PHƯƠNG.

a. Các công cụ quản lý trong QLNN đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

**Công cụ pháp luật:*

Pháp luật là hệ thống các quy phạm có tính bắt buộc chung và được thực hiện lâu dài, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, do Nhà nước ban hành, thể hiện ý chí của Nhà nước và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp tổ chức, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế bằng bộ máy Nhà nước.

Với 34 văn bản pháp luật được Quốc hội ban hành được đưa vào các hoạt động kinh tế-xã hội hàng ngày, thì hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng được áp dụng và quản lý dưới một số văn bản luật chung cho các đối tượng-chủ thể kinh tế-xã hội như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Lao động, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Lao động,... Bên cạnh đó những quyết định, chỉ thị được Chính phủ ban hành mang tính pháp luật với hoạt động thu hút FDI cũng được ban hành để củng cố cho hoạt động quản lý.

Xét riêng về quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư trực tiếp nước được chế định và quản lý dưới một số hình thức văn bản luật đã được ban hành như: Luật Đầu tư: quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bằng việc chế định hành vi của đơn vị tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư Luật Đấu thầu: chế định, giám sát hoạt động đầu tư đối với các dự án liên quan đến đất đai cùng thủ tục kèm theo

Trong quy định pháp lý riêng cho vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nước ta cũng đã ban hành nhiều văn bản pháp lý dưới luật: Nghị định số 29/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư. Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư. Nghị định số 09/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

**Công cụ kinh tế*

Công cụ kinh tế là công cụ tác động vào các chủ thể hoạt động kinh tế bằng cách tạo ra sự quan tâm về lợi ích thông qua các kế hoạch, chiến lược và các chính sách phát triển kinh tế của chủ thể quản lý, đồng thời tác động bằng cách quy cách hóa, tiêu chuẩn hóa các định mức tiền lương, định mức về doanh thu, lợi nhuận....

Dựa trên những đặc điểm của FDI mà các công cụ thuế, phí theo tiêu chuẩn đặt ra cho cả nhà đầu tư và đối tượng tiếp nhận đầu tư cần thực hiện theo để quản lý giám sát chặt chẽ và rõ ràng hơn. Chính phủ cũng đã ban hành nhiều quyết định, chỉ thị liên quan để đặt ra những tiêu chuẩn, mức độ ưu đãi dựa trên những chỉ số kinh tế cho vấn đề vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

** Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước:*

Là loại công cụ mà Nhà nước sử dụng nhằm định hướng phát triển của các lĩnh vực, các vùng, các phân ngành cũng như với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Việc sử dụng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để định hướng và điều hành các dự án FDI đồng bộ và thống nhất hơn. Nhà nước quy định chiến lược quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của mỗi địa phương phải nằm trong quy hoạch tổng thể của tỉnh, của cả nước và hướng đến thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

và cả nước. Việc đưa ra được những chiến lược có chiều sâu, và quy hoạch tổng thể cho tầm ngắn, trung và dài hạn thì hoạt động quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ có được sự hiệu quả trong quản lý cũng như không lãng phí nguồn lực. Nước ta đã ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đưa ra những định hướng chính sách, đề án và chương trình mục tiêu mới cho thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

**Các chính sách của Nhà nước:*

Là những công cụ có tính chất kích thích, khuyến khích hoặc nhằm điều tiết các hoạt động kinh tế. Chính sách kinh tế bao gồm các chính sách kinh tế cụ thể khác nhau được Nhà nước sử dụng kết hợp với nhau tạo nên lực tác động tổng hợp tới quá trình thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Chính sách về thuế và ưu đãi tài chính: Mục tiêu củ chính sách thuế và ưu đãi về tài chính là tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn thông qua việc áp dụng tỷ lệ thuế thấp, thời gian và mức độ miễn giảm thuế tăng tỷ lệ lợi nhuận cho các nhà đầu tư. Theo luật Đầu tư được đưa ra thì mức độ ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp FDI sẽ từ 5%,7%,10% tùy thuộc theo từng loại hình doanh FDI được quy định theo luật thuế hiện hành được quy

định cụ thể.

- Chính sách xúc tiến đầu tư: Công khai, minh bạch hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, thị trường,... Tăng cường cơ chế đối thoại,

đổi mới, mở rộng phương thức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của nhà đầu tư; xử lý dứt điểm, kịp thời các khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án đang thực hiện. ; xem xét khả năng gắn kết với xúc tiến thương mại và du lịch một cách linh hoạt, phù hợp với yêu cầu và đặc thù của từng địa phương.

- Chính sách đất đai: Mục tiêu của chính sách đất đai là tạo điều kiện thuận lợi và hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, đảm bảo cho các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm và tin tưởng đầu tư lâu dài ở Việt Nam. Bên cạnh các văn bản pháp lý liên quan đến đất đai và gắn với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài là Luật đất đai. Thì các nghị định như nghị định 18/NĐ-CP đã quy định chi tiết về việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được phép góp vốn bằng giá trị quyền sở hữu đất

đại đưa vào góp vốn, được xác định trên cơ sở mức tiền thuê đất theo quy định các trường hợp đầu tư nước ngoài.

- Chính sách lao động việc làm: Yếu tố con người trong các dự án đầu tư FDI luôn được nhà nước đặc biệt quan tâm, với vai trò thiết yếu của nguồn vốn FDI là giải quyết tình trạng thất nghiệp, nâng cao tay nghề cho người lao động, thì các chính sách được đưa ra về mức tiền lương tối, giờ làm việc hay quyền lợi và bảo hiểm của người lao động trong

các dự án đầu tư FDI cũng được đưa ra hết sức rõ ràng để đảm bảo quyền lợi cho mỗi người lao động.

- Chính sách công nghệ: Mục tiêu của chính sách công nghệ là thu hút công nghệ, máy móc, thiết bị hiện đại được chuẩn hóa từ các dự án đầu tư FDI để phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các chiến lược, kế hoạch trong việc lựa chọn và chọn lọc, tiếp cận các dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ cao cũng luôn được chú trọng lên hàng đầu. Bên cạnh đó thì cũng đẩy mạnh chính sách công nghệ trong hệ thống hành chính, hoạt động QLNN về thẩm định và giám định các thủ tục hành chính, tạo cơ chế thông thoáng cho các doanh nghiệp đầu tư FDI

b. Các tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Số vốn đầu tư, đóng góp cho nền kinh tế của một quốc gia hay giá trị vốn đầu tư vào một địa phương, một ngành, một lĩnh vực nào đó. Sự đóng góp hay đầu tư một số lượng vốn càng nhiều, càng lớn thì thể hiện hiệu quả của công tác thu hút vốn đầu tư.

- Việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động của địa phương, của quốc gia nhận đầu tư. Giá trị nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các quốc gia hay địa phương đầu tư vào các ngành, lĩnh vực giải quyết công ăn việc làm càng nhiều cho số lượng lao động tại quốc gia đó, hay địa phương đó thì đó cũng là một trong những tiêu chí đánh giá sự thành công của công tác thu hút.

- Sự bền vững ổn định của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một quốc gia, một địa phương, một ngành, một lĩnh vực nào đó đánh giá sự thành công của công tác thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Yếu tố lan tỏa của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng có thể coi là một tiêu chí để đánh giá sự thành công của việc thu hút. Các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể có sức lan tỏa tới sự phát triển của các dự án khác hay có những tác động tích cực nhất định đời sống, kinh tế, xã hội của một quốc gia, của một địa phương nhận sự đầu tư.

- Các cơ chế, chính sách của cấp tỉnh ban hành nhằm định hướng, thu hút các nguồn vốn FDI. Các cơ chế, chính sách liên quan đến việc hỗ trợ nhà đầu tư quan tâm, các lợi thế, các thông tin liên quan đến công nghiệp phụ trợ, nguồn nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm; Các chính sách hỗ trợ về vốn, tiền thuê đất, hỗ trợ đào tạo lao động sau khi được tuyển dụng. Ban hành danh mục các dự án ưu đãi, thu hút đầu tư; địa bàn thu hút

đầu tư với các lĩnh vực, các mức ưu đãi phù hợp với mức độ ưu tiên khác nhau về lĩnh vực, địa bàn.

- Công tác tổ chức, bộ máy quản lý và hỗ trợ các nhà đầu tư FDI vào địa bàn thành phố: nhằm giảm bớt các thủ tục và các công việc liên quan đến nhiều sở, ngành, nhà đầu tư chỉ cần đến tại một địa chỉ để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, thành lập doanh nghiệp và các thủ tục sau thành lập. Để nâng cao hiệu quả

thu hút đầu tư, cơ quan đầu mối thực hiện các thủ tục đối với các nhà đầu tư chỉ giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh. Cơ quan này sẽ thay mặt nhà đầu tư để thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan và sẽ thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Đây cũng là một trong những nội dung mà nhà đầu tư FDI lo ngại.

- Công tác cải cách hành chính, thực thi các chính sách nhằm thu hút vốn FDI vào địa bàn: Hiệu quả của công tác cải cách hành chính nói chung và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư nói riêng, quyết định đến việc thu hút vốn đầu tư.

Giảm bớt các thủ tục phiền hà, không cần thiết; giảm thời gian thụ lý, xử lý hồ sơ, năng lực chuyên môn và thái độ của cán bộ, công chức các cơ quan tiếp nhận hồ sơ và việc tạo điều kiện thuận lợi trong thực thi các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh. Công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá trong và ngoài nước cũng là yếu tố quan trọng để công tác thu hút vốn đầu tư đạt được hiệu quả cao hơn.

- Tác động của thu hút vốn FDI vào phát triển công nghiệp của Thành phố: Thể hiện trong việc làm thay đổi bộ mặt nền công nghiệp của tỉnh, công nghiệp phát triển nhờ có lượng vốn FDI đầu tư theo định hướng thu hút, giá trị sản xuất công nghiệp tăng lên đóng góp quan trọng vào GDP của công nghiệp nói riêng và GDP của tỉnh nói riêng và GDP của cả Thành phố nói riêng. Thu hút vốn FDI trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ tăng lên sẽ kéo theo các ngành phụ trợ, các dịch vụ phục vụ công nghiệp cũng sẽ tăng lên, sử dụng nhiều lao động góp phần đẩy mạnh phát triển công nghiệp và thúc đẩy phát triển nền kinh tế của thành phố theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

1.5. KINH NGHIỆM CHO VIỆC THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI TỪ CÁC TỈNH THÀNH PHỐ KHÁC Ở VIỆT NAM

1.5.1 Kinh nghiệm từ một số tỉnh

**** Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh***

“Tận dụng nội lực – thu hút ngoại lực” là một trong những chiến lược đã được tỉnh Quảng Ninh tập trung đẩy mạnh trong thời gian qua. Chiến lược đó đã và đang phát huy hiệu quả, mang lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Theo lãnh đạo tỉnh, Quảng Ninh “đặc biệt coi trọng cải thiện toàn diện môi trường đầu tư từ tư duy, cách tiếp cận, tổ chức xúc tiến đầu tư đến chính sách thu hút, góp phần thúc đẩy dòng vốn đầu tư FDI, ODA và vốn từ khu vực

tư nhân vào Quảng Ninh một cách tích cực, hài hòa, hợp lý khoa học và hiệu quả...”
Đây chính là nền tảng tạo sức bật mới trong thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn Quảng Ninh trong thời gian tới.

Đối với thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), Quảng Ninh hiện đứng thứ 13/63 tỉnh, thành phố cả nước thu hút vốn FDI, cùng nhóm với các tỉnh Bắc Ninh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đà Nẵng. Trong từng lĩnh vực đầu tư vào Quảng Ninh, ngành công nghiệp – xây dựng hạ tầng chiếm đa số với 53/67 dự án, chiếm 55%; du lịch – dịch vụ có 36/97 dự án, chiếm 37%; lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp 08 dự án, chiếm khoảng 8%. Địa bàn được các nhà đầu tư nước ngoài chọn đầu tư hầu hết tập trung ở các thành phố lớn như: Hạ Long có 48/97 dự án, Móng Cái có 18/97 dự án, số còn lại thuộc địa bàn Thành phố Cẩm Phả và một số địa phương khác. Một điều đặc biệt là, các dự án đầu tư vào tỉnh Quảng Ninh trong những năm gần đây có quy mô khá lớn.

Như vậy có thể khẳng định rằng, môi trường đầu tư vào Quảng Ninh đang ngày càng cải thiện đáng kể. Rút kinh nghiệm từ những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại, tỉnh Quảng Ninh đã và đang hoàn thiện nhiều quy hoạch quan trọng của tỉnh, kết hợp ban hành nhiều cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và triển khai xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở. Bên cạnh đó, tỉnh còn đặc biệt quan tâm giảm các thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp vào tìm hiểu, kinh doanh; quan tâm đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao hiệu quả quảng bá, xúc tiến đầu tư.

Theo thông tin từ Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thì Quảng Ninh đã kêu gọi đầu tư đến năm 2020 gồm 18 dự án tập trung vào 5 lĩnh vực chính: du lịch và dịch vụ giải trí; cảng biển, cửa khẩu và hệ thống logistics; thương mại; cơ sở hạ tầng; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đề mời gọi các nhà đầu tư, chính quyền tỉnh đã cam kết: áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, và được miễn 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo cho phần thu nhập từ dự án đầu tư mang lại. Từ việc làm thiết thực và cụ thể này đã củng cố niềm tin của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn đang đầu tư trên địa bàn tỉnh, tạo hiệu ứng tích cực thu hút được nhiều nhà đầu tư mới, góp phần quan trọng giúp Quảng Ninh thực hiện thắng lợi mục tiêu trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp; thực sự là địa bàn động lực, một cực tăng trưởng của miền Bắc.

** Kinh nghiệm của Thành phố Đà Nẵng*

Thành phố Đà Nẵng là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và cũng là một trong những điểm sáng trong thu hút vốn FDI của khu vực miền Trung – Tây Nguyên Việt Nam. Từ chính sách thông thoáng, rộng mở, thành phố Đà Nẵng đã không ngừng thu hút các nguồn lực bên ngoài, đặc biệt là thu hút vốn FDI phục vụ đắc lực vào sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội. Đến nay, thành phố Đà Nẵng đã thu hút hơn 200 dự án, với tổng vốn đăng ký hơn 3 tỷ USD, vốn thực hiện đạt gần 50% vốn đăng ký. Trong 30 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại thành phố Đà Nẵng thì British Virgin Island

(vùng lãnh thổ thuộc Anh) dẫn đầu với tổng số vốn đăng ký chiếm tỷ lệ 37,4%; tiếp đó là Hàn Quốc, Mỹ, Hồng Kông, Nhật Bản... phần lớn các dự án tập

trung vào một số lĩnh vực như: du lịch – dịch vụ, bất động sản và công nghiệp. Trong đó, vốn FDI chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ chiếm trên 76%, công nghiệp chiếm hơn 22%, còn lại là các lĩnh vực khác.

Để có được những thành tựu như vậy, thì lãnh đạo thành phố luôn đồng hành cùng các nhà đầu tư: duy trì các cuộc tiếp xúc, giao lưu hàng năm, trực tiếp lắng nghe và tháo gỡ những vướng mắc trong thu hút đầu tư vào thành phố Đà Nẵng. Luôn tích cực trong chỉ đạo, đổi mới cơ chế và vận dụng linh hoạt để đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư, như: kết nghĩa với các thành phố lớn của Nga, Nhật, Mỹ, Thái Lan...quảng bá, xúc tiến, lập dự án gọi vốn gửi đến các tập đoàn lớn của nước ngoài. Thành phố tiến hành mở văn phòng đại diện tại các nước cũng góp phần tạo thuận lợi lớn trong thu hút vốn FDI.

Thành phố luôn đẩy mạnh hoạt động cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư về môi trường đầu tư thông thoáng, công khai, minh bạch của thành phố, cũng như điều kiện về cơ sở hạ tầng, tình hình thị trường, giới thiệu một điểm đến lâu dài, ổn định cho các nhà đầu tư nước ngoài. Triển khai tốt đề án cơ chế “Một cửa liên thông” về cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho các dự án FDI, đáp ứng các yêu cầu nhanh, công khai, minh bạch. Hơn nữa, Thành phố đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá thông tin, thu hút vốn FDI vào các lĩnh vực dịch vụ – du lịch cao cấp; công nghiệp – phụ trợ không gây ô nhiễm; chú trọng loại hình đầu tư công nghệ cao, quan tâm nhiều đến các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính để triển khai nhanh các dự án. Đối với khu công nghệ cao, thành phố Đà Nẵng đã thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và tài sản thuộc sở hữu của nhà đầu tư gắn liền với đất sau khi được sự chấp thuận của Ban quản lý Khu Công nghệ cao; thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất thuê và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam; góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuê và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất để hợp tác liên doanh với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong thời hạn thuê đất đối với trường hợp đã trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

1.5.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Hà Nội.

Qua nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến FDI tại một số địa phương, có thể rút ra một số bài học cho nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội như sau:

Một là, nhận thức đúng về vai trò, vị trí của FDI để có cơ chế phối hợp để phát huy các yếu tố tác động đến thu hút hiệu quả.

Hai là, để đạt được những thành công về thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, Thành phố Hà Nội cần coi trọng công tác quy hoạch phát triển, xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư chung.

Ba là, các chính sách miễn giảm thuế, ưu đãi đất đai, nguồn nhân lực, tài nguyên môi trường cho phù hợp là rất quan trọng. Ưu tiên các dự án công nghệ cao, dây chuyền sản xuất hiện đại với các chính sách miễn giảm thuế, thuế nhập khẩu, tiền thuê đất ... nhằm cải thiện và thay thế các công nghệ cũ lạc hậu của Thành phố, tăng năng suất. Ngoài ra, Thành phố cũng cần có những cơ chế, chính sách nhằm kiểm soát đối với các dự án đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến chính trị, an ninh quốc gia đặc biệt là môi trường sinh thái, cũng như cân nhắc khi cho phép các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực giữ vị trí quan trọng trong Thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

Bốn là, cần mở rộng, đa dạng hóa các hình thức đầu tư nước ngoài. Cần phải thận trọng, cân nhắc đối với các dự án FDI có khả năng gây ô nhiễm môi trường.

Năm là, ngoài chính sách ưu đãi chung của cả nước, sự năng động của chính quyền Thành phố Hà Nội đóng vai trò quan trọng trong thành công về phát huy vai trò của các yếu tố tác động đến FDI.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Đặc điểm kinh tế, xã hội Thành phố Hà Nội ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng của Thành phố

a. Vị trí địa lý



Về vị trí địa lý, Hà Nội nằm ở tả ngạn sông Đà và hai bên đồng bằng sông Hồng. Phía Bắc giáp với tỉnh Vĩnh Phúc và Thái Nguyên, phía Nam giáp tỉnh Hòa Bình, phía Đông giáp với tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên, còn phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi được mở rộng, Hà Nội nằm trong top 17 Thủ đô có diện tích lớn nhất thế giới với diện tích tự nhiên 334.470.02 ha và đứng top 17 Thủ đô trên thế giới có diện tích rộng nhất, gồm 30 đơn vị hành chính cấp huyện, huyện, thị xã; 577 xã, phường, thị trấn với những thuận lợi về giao thông và phát triển kinh tế. Là trung tâm chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Thành phố có tốc độ tăng trưởng GDP khá cao (trung bình giai đoạn 2006 – 2011 là 10,53% - cao hơn mức trung bình của cả nước). Là nơi tập trung nhiều ngành công nghệ mũi nhọn với các chỉ tiêu kinh tế ổn định và tăng trưởng khá.

b. Điều kiện tự nhiên

Hà Nội nay vừa có núi, có đồi và địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, trong đó đồng bằng chiếm tới $\frac{3}{4}$ diện tích tự nhiên của Thành phố. Độ cao

trung bình của Hà Nội từ 5 đến 20 mét so với mặt nước biển, các đồi núi cao đều tập trung ở phía Bắc và phía Tây.

Khu vực nội thành và phụ cận là vùng trũng thấp trên nền đất yếu, mực nước sông Hồng về mùa lũ cao hơn mặt bằng Thành phố trung bình từ 4-5m. Hà Nội có nhiều

hồ, đầm thuận lợi cho phát triển thủy sản và du lịch, nhưng do thấp trũng nên khó khăn trong việc tiêu thoát nước nhanh, gây úng ngập cục bộ thường xuyên vào mùa mưa. Vùng đồi núi thấp và trung bình ở phía Bắc Hà Nội thuận lợi cho xây dựng, phát triển công nghiệp, lâm nghiệp và tổ chức nhiều loại hình du lịch.

c. Cơ sở hạ tầng – kỹ thuật

Thành phố đang chú trọng vào phát triển đồng bộ, kết cấu hạ tầng đô thị được hiện đại hóa. Đặc biệt hệ thống đường vành đai, trục hướng tâm, cầu đường bộ, liên quan mật thiết với nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng và hạ tầng xã hội. Ước tính đến năm 2020, diện tích đất đô thị dành cho giao thông, tỷ lệ vận chuyển hành khách công cộng của thành phố đều tăng. Ước đạt lần lượt là 10,05% và 20,05%. Bên cạnh đó, thành phố đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, khu nhà ở theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại, làm thay đổi diện mạo, kiến trúc Thủ đô; từng bước phát triển vùng đô thị khu vực hai bên tuyến đường Nhật Tân – Nội Bài. Đến nay, Hà Nội đã đạt diện tích nhà ở bình quân 27,25m²/người, vượt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ đô thị hóa của thành phố đạt 49,2%.

Hệ thống cầu đường, đường sá cũng được thành phố đã và đang cải thiện để hoạt động kinh tế, lưu thông vận chuyển diễn ra hiệu quả nhất, tình trạng ùn tắc giao thông, ngập lụt cũng được thành phố xử lý. Nhiều dự án giao thông trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã về đích, như: Cầu vượt Ô Đông Mác - Nguyễn Khoái; Nút giao Cổ Linh; Cải tạo nút giao Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch; Cầu vượt tại nút giao An Dương - đường Thanh Niên; Cầu vượt nút giao Nguyễn Văn Huyền - Hoàng Quốc Việt... Các công trình này không chỉ giúp giải quyết vấn đề giao thông cấp bách trên địa bàn mà còn tạo cảnh quan cho Thành phố. Cùng với đó, các công trình phát triển hạ tầng kỹ thuật của Thành phố cũng đã được đầu tư đồng bộ, hiện đại.

Mạng lưới truyền tải, phân phối điện: Đảm bảo cung cấp đầy đủ, ổn định cho nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp. Hệ thống điện được xây dựng đến chân hàng rào của doanh nghiệp.

Hạ tầng bưu điện, viễn thông và thông tin liên lạc: Mọi dịch vụ về thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, kết nối internet... trong nước và quốc tế đều thực hiện dễ dàng, thuận lợi trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt hạ tầng viễn thông đó được 2 tập đoàn VNPT và Viettel đặt hệ thống cáp quang, đường truyền tốc độ cao đến chân hàng rào doanh nghiệp.

Hạ tầng dịch vụ thương mại, tài chính, tín dụng, ngân hàng: hiện nay trên địa bàn Thành phố Hà Nội có 486 tổ chức tín dụng và 32 ngân hàng với các chi nhánh nhỏ

ở các quận, phường, thuận tiện cho nhu cầu dịch vụ ngân hàng của tất cả các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân.

Cơ sở hạ tầng xã hội: Hà Nội có mạng lưới có sở y tế, giáo dục, văn hóa và phúc lợi xã hội rất phát triển. Hệ thống các bệnh viện trung ương đến các bệnh viện tư nhân có đủ, hệ thống giáo dục rất phát triển từ trường công đến trường dân lập. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế của thành phố cao, đạt 90,1%, cơ bản thành phố Hà Nội không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn đa chiều.

2.1.2 Đặc điểm kinh tế, xã hội

a, Đặc điểm kinh tế

Bảng 2.1: GRDP của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
GRDP	8,2	7,85	7,17	7,62	5,68

Nguồn: Sở Công Thương thành phố Hà Nội

Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, kinh tế của thành phố liên tục tăng trưởng và đạt mức khá trong giai đoạn 2016 – 2020; tổng sản phẩm trên địa bàn của thành phố ước tăng 7,39%, đạt mục tiêu đề ra (từ 7,3% đến 7,8%), cao hơn giai đoạn 2010 – 2015 (6,93%). Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, theo hướng hiện đại. Khu vực dịch vụ và công nghiệp có tỷ trọng tăng mạnh. Khu vực dịch vụ tăng trưởng bình quân đạt 7,12%/năm.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016 – 2020 ước đạt 1,74 triệu tỷ đồng bằng 39,2% GRDP, đạt mục tiêu đề ra. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2019 đạt 8,67 tỷ USD, cao nhất sau hơn 30 năm mở cửa và hội nhập, là năm thứ hai Hà Nội dẫn đầu cả nước. Mặc dù diện tích của thành phố chỉ chiếm 1% diện tích của nước, dân số chiếm 8,5% nhưng tổng sản phẩm nội địa của Hà Nội đóng góp trên 16%, 18,5% thu ngân sách, 20% thu nội địa và 8,6% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của cả nước. Hà Nội cũng có giao lưu, buôn bán, liên kết chặt chẽ với nhiều địa phương, ngày càng thể hiện rõ vai trò là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế, là động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

b, Dân số và lao động

Tính đến tháng 7/2021, theo website World Population Review thì dân số Hà Nội đạt 8.418.883 người. Là thành phố đông dân thứ hai và có mật độ dân số cao thứ hai trong

63 đơn vị hành chính cấp tỉnh của Việt Nam, nhưng phân bố dân số không đồng đều. Theo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, giai đoạn 2015 – 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo đã được cải thiện từ 53,14% vào năm 2015 lên đến 70,25% vào năm 2020. Hơn nữa, 154000 lao động mỗi năm được giải quyết việc làm trong giai đoạn này. Thêm vào

đó, 5 tháng đầu năm 2021, dù bị ảnh hưởng bởi dịch covid 19 nhưng thành phố vẫn đạt 49,1% kế hoạch của năm trong việc giải quyết được việc làm cho lao động cụ thể là 79.000 người. Với vị thế có nhiều trường đại học lớn và lượng ngành nghề cũng đa dạng,

nguồn lao động có trình độ đại học, cao đẳng nghề của Hà Nội khá nhiều. Thành phố cũng đang chú trọng khai thác lượng nhân lực bền vững, có tay nghề, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ để có nguồn cung ứng cho các doanh nghiệp lớn đặc biệt là những tập đoàn xuyên quốc gia, doanh nghiệp FDI.

2.2 Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Hà Nội

2.2.1. Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo nhà đầu tư.

Cùng với Hàn Quốc, Nhật Bản và một nước khác trong khu vực như Singapore, Malaysia,... luôn là các quốc gia đi đầu trong đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thành phố Hà Nội.

Năm 2015, Hà Nội thu hút nhiều vốn đầu tư từ Hàn Quốc nhất với quy mô vốn bình quân một dự án là 14,1 triệu USD/dự án. Tiếp đó là Nhật Bản đầu tư vào Hà Nội đứng thứ hai cả nước (chỉ sau Thanh Hóa) với 661 dự án, tổng vốn đầu tư là 4,1 tỷ USD (chiếm 10,9% tổng vốn đầu tư). Singapore đứng thứ 3, có 228 dự án với 4,2 tỷ USD tổng vốn đầu tư (chiếm 16% tổng số dự án và 12,7% tổng vốn đầu tư Singapore tại Việt Nam); Malaysia đứng thứ 4, các dự án tập trung vào lĩnh vực bất động sản chiếm tỷ trọng vốn lớn tới 50% trong tổng vốn đầu tư của Malaysia tại Hà Nội.

Trong năm 2016, Hà Nội đã đón nhận làn sóng đầu tư nước ngoài với 3,11 tỷ USD, tăng gấp 2,93 lần so cùng kỳ năm 2015, vượt kế hoạch năm 2016 gấp 2,22 lần và cao nhất trong 5 năm qua. Trong đó, Nhật Bản, quốc gia đứng thứ nhất về đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Nội với hơn 800 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 5,2 tỷ USD. Hàn Quốc đứng thứ hai về đầu tư vào Hà Nội với gần 1200 dự án đầu tư, tổng vốn đăng ký đạt hơn 5 tỷ USD.

Đến năm 2017, các quốc gia có vốn đầu tư lớn nhất vào Hà Nội là Singapore (5,5 tỉ USD), Nhật Bản (5,38 tỷ USD), Hàn Quốc (5,34 tỷ USD). Sang năm 2018, Nhật Bản là Quốc gia đứng đầu về quy mô vốn đầu tư tại Hà Nội với khoảng 10,6 tỷ USD, tiếp đến là Singapore với khoảng 6,9 tỷ USD và thứ 3 là Hàn Quốc với 5,5 tỷ USD.

Năm 2019 số lượng được các đoàn sang làm việc tìm hiểu cơ hội đầu tư tăng lên khá mạnh, tăng khoảng 30% so với cùng kỳ năm trước. Các đối tác chủ yếu đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore. Nhật Bản tiếp tục giữ vị thế là quốc gia hàng đầu trong FDI với trên 10 tỷ USD (chiếm 25,5% tổng giá trị thu hút FDI của Hà Nội). Còn Hàn Quốc là quốc gia đứng thứ nhất về số lượng các dự án với 2.010 dự án đang hoạt động, đứng thứ 3 về tổng vốn đầu tư ký trên 5,5 tỷ USD (riêng năm 2019 Hàn Quốc có thêm 351 dự án mới với số vốn đầu tư là 1,25 tỷ USD vào Hà Nội).

Ngay trong thời gian xảy ra dịch covid 10, năm 2020 dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn chảy mạnh vào Thành phố Hà Nội. Xếp hạng theo quốc gia và vùng lãnh thổ, Singapore dẫn đầu với 262,7 triệu USD, chiếm 25,1% tổng số vốn đăng ký FDI. Tiếp đến là Nhật Bản đạt 230 triệu USD, chiếm 22%; Đài Loan 185,5 triệu

USD, chiếm 17,7%; Hàn Quốc 106,9 triệu USD, chiếm 10,2%. Có thể thấy rằng, trong các năm qua tình hình thu hút FDI theo nhà đầu tư của Thành phố Hà Nội luôn giữ trạng thái đầu tư tương đối ổn định.

Trong 09 tháng đầu năm 2021, mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch COVID-19 tại Hà Nội, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục tin tưởng và lạc quan vào môi trường đầu tư kinh doanh của thành phố và đầu tư vào Hà Nội, với số vốn đăng ký 1,28 tỷ USD; chiếm khoảng 10% tổng thu ngân sách của thành phố, 12,6% quỹ đầu tư phát triển, 30% tổng số việc làm và 45% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của toàn bộ thành phố. Đây là biểu hiện vững chắc về môi trường đầu tư kinh doanh của Hà Nội và là điểm đến an toàn, hấp dẫn và ổn định của các công ty, nhà đầu tư nước ngoài.

2.2.2. Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo lĩnh vực đầu tư.

Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo là lĩnh vực thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài. Năm 2015 với 1.012 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 16,4 tỷ USD, chiếm 68% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đứng thứ 2 với 10 dự án đầu tư đăng ký mới, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm 2,79 tỷ USD, chiếm 11,6% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 2,39 tỷ USD, chiếm 9,9 tổng vốn đăng ký. Năm 2016, các lĩnh vực được đánh giá là thế mạnh đã thu hút đầu tư gồm: Lĩnh vực công nghệ cao có dự án Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Samsung (300 triệu USD), lĩnh vực môi trường có dự án Nhà nước mặt sông Đuống (227 triệu USD), lĩnh vực viễn thông Công ty Vietnamobile đã tăng vốn (208 triệu USD),...

Đến năm 2018, nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đạt 11,3 tỷ USD, chiếm 44,6% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng số đầu tư 5,8 tỷ USD, chiếm 23% tổng vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ ba là lĩnh vực bán buôn, bán lẻ với tổng vốn đầu tư đăng ký 2,1 tỷ USD, chiếm 8,3% tổng vốn đầu tư đăng ký, với một số dự án nổi bật như: Nhà đầu tư Beerco thực hiện góp vốn trong Công ty TNHH Beverage Việt Nam 1 tỷ USD, 2 dự án của Tập đoàn Nidec tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc 400 triệu, dự án nhà máy xử lý rác thải Xuân Sơn 90 triệu USD, dự án Lotte Mall Hà Nội tăng vốn

300 triệu USD, dự án nhà máy sản xuất bia của Công ty TNHH Nhà máy bia Heneiken Hà Nội tăng vốn 43 triệu USD,...

Về lĩnh vực đầu tư năm 2019, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 ngành kinh tế. Cũng như năm 2018, trong đó chế biến, chế tạo vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đó kinh doanh bất động sản sau đó là bán buôn bán lẻ, khoa học và công nghệ.

Trong năm 2020, nguồn vốn FDI của Thành phố tập trung nhiều vào các lĩnh vực công nghiệp, chế tạo linh kiện điện tử,... với một số dự án lớn đã cấp giấy phép đầu tư

như: Dự án Nidec Chaun Choung Việt Nam (NĐT Nhật Bản đầu tư qua Đài Loan) – 174,5 triệu USD; Dự án hanoi Lotte World Aquarium (Hàn Quốc) – 47 triệu USD; Dự án Công trình văn phòng 29 Liễu Giai (Twin peaks) tăng vốn – 246 USD; Dự án Trung tâm tài chính tài chính thương mại và các công trình phụ trợ (TSQ Việt Nam) tăng vốn – 67,5 triệu USD;...

Nhìn chung, vốn FDI của Hà Nội chủ yếu tập trung cho công nghiệp, chế biến, chế tạo, xây dựng, kinh doanh bất động sản, dịch vụ. Giai đoạn 2010 – 2020, những dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm tới 58,22% tổng số dự án, 62,14% về tổng vốn đăng ký. Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm thế áp đảo cả về số lượng dự án và lượng vốn đăng ký bằng 63,02% so với vốn đăng ký trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng. Đối với lĩnh vực dịch vụ có 1.332 dự án, chiếm 41,12% tổng số dự án và 37.57% về tổng số vốn đăng ký đầu tư. Trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tính chung giai đoạn 2010 – 2020, toàn thành phố chỉ thu hút được hơn 20 dự án, chiếm tỷ trọng rất nhỏ.

Ba quý đầu của năm 2021, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Hà Nội chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp, chế biến, chế tạo, xây dựng, kinh doanh bất động sản và dịch vụ. Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) của Samsung tại Hà Nội đã đóng góp vào sự phát triển của Hà Nội. Hà Nội có nhiều tiềm năng và lợi thế để trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, với quy mô đầu tư lên tới 220 triệu USD, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển trung và dài hạn.

2.2.3 Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy mô và chất lượng đầu tư.

Trong giai đoạn 2015 – 2020 và 3 quý đầu năm 2021 của Hà Nội luôn khẳng định vị trí là một trong những địa bàn cấp tỉnh đứng đầu cả nước trong thu hút FDI, cụ thể:

Riêng năm 2015, Hà Nội chiếm 16,9% về số dự án và 10.07% về vốn đầu tư đăng ký cả nước, chỉ sau Thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa – Vũng Tàu, tăng lên 3 bậc so với năm 2014; Khu vực FDI trên địa bàn nộp ngân sách thông qua các loại thuế thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên và giá trị gia tăng đạt 880 triệu USD, chiếm 13,7% tổng thu ngân sách Thành phố và tăng 8,3% so với năm 2014; Chiếm 21% tổng giá trị nhập khẩu và tăng 83,5% so với năm 2014.

Bước sang năm 2016, lần đầu tiên kể từ năm 2006 đến nay, Hà Nội đã trở lại vị trí đứng đầu cả nước trong thu hút FDI quý I và đứng thứ hai cả nước trong ba quý đầu năm 2016, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao. Tính đến cuối năm Thành phố đã thu hút được 445 dự án mới có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với số vốn đăng ký là 2,8 tỷ USD, tăng 46,4 về số dự án và tăng 164 về số vốn đăng ký so với năm 2015.

Đến năm 2018, Hà Nội thu hút được 7.501 triệu USD, tăng gần 2,23 lần so với năm 2017, là năm đứng đầu cả nước và cao nhất kể từ 30 năm thực hiện chủ trương thu

hút FDI. Qua năm 2019, Hà Nội tiếp tục dẫn đầu cả nước về FDI với 8.464 triệu USD, tăng 90,025 so với năm 2018; Tổng số vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đạt 6.750 triệu USD.

Tính đến tháng 11 năm 2020, Thành phố thu hút được khoảng 3,2 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, Thành phố cấp 662 triệu USD của 464 dự án cấp phép mới và 1.245 triệu USD của 132 dự án bổ sung vốn đầu tư; số góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 1.280 triệu USD.

Nhìn chung, trong 5 năm 2016 – 2020, Hà Nội thu hút được 25,5 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài, gấp 4,08 lần giai đoạn 2011 – 2015; Đứng đầu cả nước trong hai năm liên tiếp 2018 và 2019; Lũy kế số dự án FDI còn hiệu lực là 6.278 dự án, với tổng số vốn đạt trên 47,7 tỷ USD, vốn giải ngân đạt trên 28,5 tỷ USD. Quy mô đầu tư ngày càng mở rộng, chất lượng đầu tư kinh doanh được cải thiện rõ nét.

Và với 3 quý đầu năm 2021, Hà Nội thu hút 1,28 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có 256 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký là 196,6 triệu USD; 100 dự án cấp mới, tăng thêm 605 triệu USD; nhà đầu tư nước ngoài đầu tư 381 lượt với số vốn 411 triệu đô la.

2.3. Tác động của các dự án FDI đến phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hà Nội

- Tác động thúc đẩy kinh tế

Các dự án FDI trên địa bàn thành phố góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng vào lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Trong đó, các dự án đầu tư trong lĩnh vực kinh doanh siêu thị bán lẻ, bán buôn đã góp phần tăng tốc độ lưu chuyển hàng hóa, thúc đẩy thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố. Các dự án lớn đầu tư vào hạ tầng, công nghiệp như dự án Thành phố thông minh tại xã Hải Bối, Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh với vốn đầu tư là 94.349 tỷ đồng của Tập đoàn Sumimoto – Nhật Bản hay dự án Trung tâm thương mại Lotte Mall do Tập đoàn Lotte đầu tư với vốn đầu tư là 13.407 tỷ đồng,... tạo động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển, thu hút, lôi kéo các nhà đầu tư thứ cấp đầu tư trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, số lượng các dự án lớn, có tính lan tỏa còn ít; do tác động chuyển dịch cơ cấu kinh tế của toàn tỉnh còn chưa rõ nét và chưa thực sự có hiệu quả.

- Tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động

Các dự án FDI đã tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao động trực tiếp với thu nhập bình quân góp phần nâng cao mức sống cho người dân lao động tại Thành phố; đồng thời nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật cho người lao động. Công

tác đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện các chế độ lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn lao động cũng được các doanh nghiệp FDI chú trọng thực hiện.

- *Chuyển giao công nghệ*

Hoạt động của các doanh nghiệp FDI tại Hà Nội cũng đã thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ, phương thức quản lý để nâng cao hơn chất lượng, tạo sức cạnh tranh của sản phẩm và dịch vụ trên thị trường trong nước và quốc tế.

Một số dự án đã đi vào hoạt động có công nghệ hiện đại: Sam Sung bắt đầu xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và phát triển mới tại khu đô thị Tây Hồ,...

Nhìn chung, hầu hết các doanh nghiệp FDI đều áp dụng phương thức quản lý tiên tiến, được kết nối và chịu ảnh hưởng của hệ thống quản lý hiện đại của công ty mẹ là cho năng suất lao động của khu vực FDI cao.

2.4 Tình hình thực hiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2.4.1 Hoạch định, ban hành kế hoạch, xây dựng bộ máy quản lý, pháp luật, Bổ sung sửa đổi cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; tăng cường cải cách thủ tục hành chính

a, Hoạch định, ban hành kế hoạch, xây dựng bộ máy quản lý, pháp luật

Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 6-1-2012, của Bộ Chính trị, về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020, các chỉ thị và các dịp lãnh đạo Đảng và Nhà nước làm việc trực tiếp với lãnh đạo thành phố, thành phố Hà Nội đã đề ra phương châm đối ngoại và phương châm trong công tác QLNN với hoạt động kinh tế đối ngoại trong đó bao gồm cả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Sở Ngoại vụ thành phố Hà Nội luôn chủ động tham mưu cho lãnh đạo thành phố Hà Nội ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản theo thẩm quyền để thi hành các thể chế do Trung ương ban hành và cụ thể hóa việc thực hiện vào điều kiện cụ thể của thành phố, nhằm không ngừng hoàn thiện hành lang pháp lý cho công tác đối ngoại cũng như là quản lý các dự án FDI của thành phố phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan nhằm xây dựng và triển khai kế hoạch công tác ngành có liên quan đến hoạt động đối ngoại, nhất là các hoạt động quản lý dự án đầu tư, xúc tiến đầu tư vào những ngành kinh tế chọn lọc.

Theo nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NĐ-CP của Chính phủ, thành phố tập trung hoạch định thu hút FDI từ tất cả nhà đầu tư nhưng chú trọng vào những nhà đầu tư chất lượng như EU, Mỹ, New Zealand...

Trên cơ sở hiểu rõ ưu thế và đặc điểm của vốn FDI ,thành phố định hướng thu hút FDI chọn lọc các dự án chất lượng, sản phẩm giá trị gia tăng có tính cạnh tranh cao từ các tập đoàn quy mô lớn, xuyên quốc gia; khuyến khích các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ, sản xuất công nghệ cao, công nghệ sinh học, sử dụng công nghệ hiện đại, thân

thiện với môi trường; các dự án lĩnh vực công nghệ thông tin, phát triển nông nghiệp, thực phẩm sạch an toàn; phát triển kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và phát triển, dịch vụ tài chính, ngân hàng... nhằm huy động có hiệu

quả nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô theo mô hình tăng trưởng bền vững

b. Cơ chế, chính sách của Thành phố nhằm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. *Trong công tác quản lý nhà nước với vốn FDI, cùng việc nâng cao hành lang pháp lý, chỉ đạo trong việc thực hiện nghiệp vụ đầu tư, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành một số văn bản pháp lý về đầu tư như:

- Quyết định số 4665/QĐ-UBND ngày 05/9/2018: đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ DNNVV gia nhập thị trường; hỗ trợ DNNVV tiếp cận tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho doanh nghiệp; xúc tiến, mở rộng thị trường; hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao và đổi mới công nghệ

- Chương trình số 53/Ctr-UBND ngày 05/3/2021 của UBND Thành phố về Chương trình Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch của thành phố Hà Nội.

- Quyết định 710/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phần việc xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Quyết định số 72/2-18/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 về việc ban hành quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; trình tự, thủ tục hưởng chính sách ưu đãi; tiêu chí, thủ tục công nhận dự án công nghệ cao tại thành phố Hà Nội đến năm 2020.

Để góp phần cải thiện môi trường sản xuất kinh doanh và đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của Thành phố Hà Nội, ngày 08/12/2011, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 141/KH-UBND về nâng cao chỉ số PCI giai đoạn 2011-2015, trong đó có chỉ đạo và giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cấp có các biện pháp để tác động trực tiếp vào việc cải thiện môi trường đầu tư của doanh nghiệp trên địa bàn. Gần đây nhất, ngày 27/5/2015, Thành phố đã ban hành Kế hoạch hành động số 117/KH-UBND nhằm triển khai Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh Thành phố từ giai đoạn 2016 – 2020. Tiếp tục cải thiện hệ thống hành chính, giảm tình trạng chồng chéo lên nhiều nghiệp vụ quản lý cùng một lúc.

2.4.2. Công tác hỗ trợ và xúc tiến đầu tư

- Công tác xúc tiến đầu tư có nhiều đổi mới và hiệu quả. Các hoạt động xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, được tổ chức với nhiều giải pháp, triển khai trên nhiều kênh kêu gọi xúc tiến đầu tư.

- Tổ chức các chương trình đối thoại doanh nghiệp FDI định kỳ nhằm kịp thời đối thoại, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng để tìm biện pháp giải quyết, tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp.

- Thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ, cung cấp thông tin, tư vấn pháp luật cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

c, Sự phối hợp của các sở, ban, ngành địa phương thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài trên địa bàn

- Xây dựng bộ máy quản lý thống nhất từ ngay trên Sở kế hoạch và Đầu tư đến các bộ ban ngành. Xác định các bộ phận cũng như vị trí cụ thể trong từng khâu của hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bộ máy cần hoạt động thống nhất, rõ ràng để hoạt động thu hút diễn ra theo hoạch định cũng như là kịp thời xử lý kịp thời những vướng mắc của nhà đầu tư nhanh nhất.

- Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các doanh nghiệp FDI các thủ tục về đầu tư, lao động,... tuân thủ theo quy định của pháp luật về đầu tư nước ngoài.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan quan tổng hợp báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài theo quy định.

- Các phòng ban liên quan đến quản lý thủ tục hành chính, tiếp tục tiếp nhận những đơn khiếu nại, vướng mắc trong quá trình thi công các dự án FDI từ nước ngoài. Bên cạnh

đó thì công tác “hậu” các dự án FDI này cũng cần được kiểm tra, báo cáo, xử lý đồng bộ để hoạt động đồng bộ, chuẩn hóa khoa học-công nghệ, tránh ảnh hưởng đến môi trường cũng là điều vô cùng cần thiết.

2.5 Những thành công đã đạt được, hạn chế và nguyên nhân

2.5.1 Thành công:

Trong nhiều năm, việc quản lý hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp trên địa bàn thành phố luôn nhận được nhiều sự hỗ trợ, quan tâm từ Chính phủ, các bộ ngành Trung

ương, cùng với sự chỉ đạo sát sao của UBND, HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương đã đạt được những thành công lớn. Cụ thể:

Thứ nhất, Hà Nội đã định hướng đúng đường lối, chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa. Dựa trên Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ thành phố đã từng bước xác định cũng như mở ra nhiều cơ hội mới khi bộ máy quản lý trở nên thống nhất và thông thoáng hơn trên cơ sở chất lượng công tác quản lý ngày càng được nâng cao, cùng với sự không ngừng đổi mới trong đường

lỗi QLNN làm sao cho thật phù hợp với nhà đầu tư. Kết quả đó là do sự quan tâm từ Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương, song song với đó là chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và sự phối hợp giữa các Sở, Ban, Ngành,

địa phương trong tỉnh trong việc tháo gỡ khó khăn, chỉ đạo những đường lối, quy hoạch kịp thời.

Thứ hai, cải thiện rõ rệt trong môi trường đầu tư và hệ thống hành chính “một cửa” Hà Nội đã cải thiện được môi trường đầu tư kinh doanh, môi trường pháp lý, tạo

ra sự thống nhất trong hệ thống pháp luật về đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi thu hút FDI và triển khai thực hiện các dự án có hiệu quả, chuyển giao công nghệ, thay đổi rõ rệt trình độ khoa học kỹ thuật của thành phố. Hệ thống pháp luật đầu tư ngoài hiện hành đã được thực hiện theo chủ trương chính sách của Đảng ủy thành phố, tập trung đánh vào nhu cầu cần một hành lang pháp lý rõ ràng, dễ hiểu và ngắn gọn mà hầu như nhà đầu tư nước ngoài luôn yêu cầu tới các địa phương để đầu tư dòng vốn của mình.

Hệ thống hành chính “một cửa”, các khâu giải quyết thủ tục hành chính của Hà Nội càng ngày được rút gọn và nhanh chóng hơn, không chỉ đảm bảo hiệu quả của các dự án đầu tư mà bên cạnh đó tạo điểm cộng trong mắt những nhà đầu tư nước ngoài. Việc phân cấp cấp GCNĐT về UBND cấp tỉnh và Ban quản lý theo chỉ đạo của Đảng ủy thành phố là một chủ trương thực hiện cải cách hành chính trong quản lý kinh tế. Khi mà việc phân cấp đã tạo điều kiện cho các Bộ, Ngành tập trung thực hiện chức năng, dự báo, tổ chức - thực thi, kiểm tra giám sát các dự án đầu tư và sự hiệu quả của các dự án.

Thứ ba, Công tác xúc tiến đầu tư đặc biệt là xúc tiến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày càng được quan tâm. Công tác xúc tiến đầu tư được thực hiện ngày càng bài bản, sát với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú hơn đảm bảo theo định hướng phát triển kinh tế xã hội mà UBND thành phố Hà nội đã đặt ra. Thành phố ngày càng chú trọng hơn vào các dự án FDI có chọn lọc với hàm lượng công nghệ, trí tuệ cao.

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra đã được thực hiện có hiệu quả. Công tác thanh tra, kiểm tra giúp phát hiện các vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình, thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn môi trường, phòng chống cháy nổ. Qua đó có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp nhằm bảo đảm tính nghiêm minh pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Có nhiều dự án bất đầu có dấu hiệu sai phạm đã sớm được phát hiện, vấn đề đất đai trong các dự án cũng được kiểm tra thường xuyên.

2.5.2 Hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

Thứ nhất, công tác quản lý nhà nước còn thiếu tính hệ thống và đồng bộ trong giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô dài hạn. Hệ thống pháp luật về FDI trong đang trong quá trình hoàn thiện nên còn thiếu tính thống nhất một số quy định chồng chéo nhau, có quy định thiếu tính chính xác chưa phù hợp với thực tiễn trong nước và thông lệ quốc tế gây khó khăn cho cả nhà quản lý và nhà đầu tư trong việc tìm hiểu áp dụng thi hành đồng thời gây ra tình trạng cơ quan quản lý nhà nước có thể sử dụng tùy tiện từ đó gây ra tình trạng tham

những, thiếu hiệu quả đối với các dự án FDI. Mặt khác, có những khâu quản lý ban hành chậm, thậm chí còn chưa kịp ban hành gây ra thiệt hại cho dự án.

Thứ hai, công tác giải phóng mặt bằng được chính quyền địa phương quan tâm và đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc phần nào ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư và quá trình đầu tư các doanh nghiệp.

Thứ ba, tình hình thực hiện dự án sau khi được cấp phép còn nhiều hạn chế: Một số dự án sau khi được cấp phép đầu tư có tiến độ triển khai còn chậm, một số dự án có vướng mắc nhưng chưa được giải quyết triệt để.

Thứ tư, năng lực cán bộ quản lý trong các dự án FDI còn kém, chưa đồng bộ. Tình trạng cán bộ quản lý thiếu kiến thức chuyên môn cơ bản nhưng vẫn phải kiêm nhiệm một đến hai vị trí gây ra tình trạng kém hiệu quả trong quản lý.

Thứ năm, một số trường hợp xử lý các thủ tục đầu tư, các kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp còn chậm.

Thứ sáu, công tác cải cách thể chế hành chính của cơ quan quản lý thành phố Hà Nội còn đang tiến hành chậm chạp hơn với trình độ phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Hà Nội. Đặc biệt là khi nền kinh tế thị trường phát triển ngày càng nhanh và nhạy cảm đòi hỏi thượng tầng kiến trúc phải thích hợp với hạ tầng kiến trúc, công tác quản lý của bộ máy hành chính của thành phố chưa thực sự có sự thích ứng kịp thời.

Thứ bảy, ngân sách của thành phố còn hạn chế trong việc đẩy mạnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xây dựng hình ảnh đô thị xanh sạch, văn minh b. Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan

- Luật đầu tư, luật doanh nghiệp đã được ban hành và có hiệu lực từ 01/07/2015 nhưng Nghị định hướng dẫn thi hành chậm được ban hành là ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và công tác quản lý.

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế, chủ yếu phát sinh theo chiều rộng mà chưa chú trọng đến chiều sâu, chương trình đào tạo cơ sở vật chất, máy móc thiết bị còn thiếu, chưa có tính đồng bộ.

- Cơ chế chính sách Tài chính còn nhiều bất cập, chưa thông thoáng, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

* Nguyên nhân chủ quan

- Công nghệ dây chuyền sản xuất của các dự án đầu tư FDI chưa đáp ứng được một cách triệt để về bảo vệ môi trường. Về thiết kế, quy trình, dây chuyền sản

xuất còn hạn chế tính khoa học, một số phân đoạn đây chuyên còn lạc hậu, nhất là phân đoạn xử lý chất thải.

- Cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Trong thời gian qua, cơ sở hạ tầng đã được chú trọng đầu tư hơn. Tuy nhiên, hệ thống vẫn chưa thực sự được đồng bộ, một số công trình hạ tầng trọng yếu vẫn chưa được đầu tư xây dựng hoặc vẫn chưa hoàn thành để đưa vào

sử dụng, một số công trình xuống cấp, kém chất lượng, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình đầu tư sản xuất, vì vậy vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư.

- Mặc dù “ một cửa” được đưa vào triển khai nhưng thủ tục vẫn còn rườm rà, làm chậm tiến độ triển khai dự án.
- Nguồn lao động có chất lượng chưa cao, lao động trên địa bàn thành phố có ưu điểm là dồi dào, tuy nhiên trình độ còn chưa đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các dự án trên địa bàn chưa được triển khai có hiệu quả.
- Cơ chế chính sách thu hút đầu tư có giai đoạn định hướng chưa rõ ràng, coi trọng số lượng dự án và số lượng đăng ký đầu tư mà chưa chú trọng đến chất lượng dự án.
- Cơ chế phối hợp tham mưu giữa các sở, ban, ngành tuy có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa thực sự hiệu quả.
- Công tác quy hoạch còn bất cập, phải sửa đổi bổ sung nhiều lần, một số ngành, lĩnh vực trọng điểm chưa có quy hoạch phát triển như: ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao,...
- Công tác xúc tiến đầu tư phần nào còn thụ động. Công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ chưa thực sự đạt hiệu quả mong muốn.
- Việc bố trí nguồn vốn Ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gặp khó khăn. Việc kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng còn hạn chế.

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ NHẪM THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THỜI GIAN TỚI.

3.1. Định hướng phát triển và mục tiêu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

3.1.1. Định hướng phát triển FDI trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Trong thời gian tới, Thành phố định hướng thu hút các tập đoàn quy mô lớn, xuyên quốc gia vào đầu tư kinh doanh tại Hà Nội; Thực hiện các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về xúc tiến đầu tư. Ưu tiên chọn lọc các dự án có chất lượng, sản phẩm giá trị gia tăng có tính cạnh tranh; Khuyến khích các dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ, sản xuất công nghệ cao, công nghệ sinh học, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; Các dự án lĩnh vực công nghệ thông tin, phát triển nông nghiệp, thực phẩm sạch, an toàn; phát triển kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và phát triển, dịch vụ tài chính, ngân hàng, ... nhằm huy động có hiệu quả nguồn lực đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô theo mô hình tăng trưởng bền vững. Một số lĩnh vực, dự án hạ tầng lớn mong muốn thu hút đầu tư nước ngoài:

- Các dự án đường sắt đô thị;
- Các dự án đầu tư xây dựng cầu, các tuyến đường vành đai;
- Đầu tư xây dựng và phát triển các khu đô thị vệ tinh;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các bãi đỗ xe ngầm;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, trung tâm Logistic;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh mạng lưới trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, chợ đầu mối;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, cơ sở lưu trú phục vụ du lịch;
- Đặc biệt, hiện trên địa bàn Thành phố còn Khu công nghệ cao Hòa Lạc, với khoảng 700 ha chưa lấp đầy có thể đón các nhà đầu tư. Hà Nội sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư FDI, nhất là lĩnh vực công nghệ cao.

3.1.2. Mục tiêu thu hút FDI trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Giai đoạn 2021 – 2025, Thành phố Hà Nội xác định mục tiêu thu hút 30 – 40 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, giải ngân đạt 20 – 30 tỷ USD; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường tăng 50% so với năm 2018; tỷ

lệ nội địa hóa tăng lên trên mức 30% vào năm 2025. Đặt mục tiêu thu hút một lượng lớn vốn đầu tư nước ngoài theo phương châm là thu hút có chọn lọc, hiệu quả.

3.1.3. Xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.1.3.1. Xu hướng đầu tư ở Việt Nam.

Trong bối cảnh vốn FDI toàn cầu suy giảm mạnh, nước ta vẫn thu hút FDI với tổng vốn đăng ký đạt kết quả tốt hơn rất nhiều quốc gia khác. Thể hiện được sức hấp

dẫn của Việt Nam trong con mắt của giới đầu tư quốc tế, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư đang thực hiện đầu tư tại Việt Nam.

Về hình thức đầu tư, nếu như những năm trước đây, đầu tư của các dự án FDI theo hình thức 100% vốn nước ngoài chiếm tỷ lệ cao thì những năm trở lại đây, xu hướng đầu tư mau cổ phần hoặc sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (M&A) phổ biến hơn.

Về lĩnh vực đầu tư: Kể từ trước đại dịch Covid-19, vốn FDI đầu tư vào Việt Nam, chủ yếu tập trung vào 3 lĩnh vực chính là: Công nghiệp chế biến – chế tạo, kinh doanh bất động sản và bán buôn – bán lẻ - sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy. Số dự án đăng lý trong ngành nông, lâm, thủy sản vẫn ít và chiếm tỷ trọng vốn rất thấp trong tổng vốn đăng ký theo các năm.

Có thể nói, trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu do ảnh hưởng của dịch Covid cũng như cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, ngành công nghệ thông tin, công nghệ cao, công nghệ hỗ trợ, cơ khí, ý tế giáo dục và đào tạo là những lĩnh vực được ưu tiên thu hút nguông vốn FDI tại Việt Nam.

3.1.3.2. Xu hướng đầu tư FDI tại Việt Nam.

Trong bối cảnh đại dịch Covid 19, cũng như trên thế giới và ở Việt Nam tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội có xu hướng giảm so với cùng kỳ giai đoạn trước.

Về lĩnh vực đầu tư: Thành phố xác định một số ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với xu hướng phát triển chung, có thể tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và khai thác được các lợi thế của Thành phố cũng như các thế mạnh của các tỉnh, thành phố trong vùng, bao gồm:

Một là, lĩnh vực đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ và hiện đại (giao thông, khu đô thị thông minh, hạ tầng cấp nước, thoát nước, môi trường);

Hai là, lĩnh vực sản xuất, gia công, trong đó, ưu tiên các ngành, lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm. Áp dụng công nghệ mới, công nghệ tự động hóa tiên tiến và in 3-D, sử dụng ít năng lượng hoặc năng lượng tái tạo, tạo thêm việc làm với mức lương cao hơn và người lao động được phát triển kỹ năng, tay nghề;

Ba là, lĩnh vực dịch vụ có mức độ giá trị gia tăng có giá trị gia tăng cao như: Dịch vụ công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, du lịch, thương mại, giáo dục – đào tạo, y tế - chăm sóc sức khỏe, logistic.

Về hình thức đầu tư, cũng như các khu vực, địa bàn khác trên cả nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội xu hướng mua bán – sáp nhập doanh nghiệp tăng mạnh cả về

số lượng và quy mô. Tuy không phải là xu hướng mới nhưng với sự tăng trưởng liên tục trong vài năm gần đây đã góp phần không nhỏ giúp kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội xu hướng mua bán – sáp nhập doanh nghiệp tăng mạnh cả về số lượng và quy mô. Tuy không phải là xu hướng mới nhưng với sự tăng trưởng liên

tục trong vài năm gần đây đã góp phần không nhỏ giúp kể quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Việt Nam nói chung và Thành phố Hà Nội nói riêng tăng lên đáng kể.

3.2. Đề xuất giải pháp nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

a, Hoàn thiện cơ chế, chính sách và cải tiến thủ tục hành chính liên quan đến thu hút vốn FDI trên địa bàn Thành phố.

Với các cơ quan trung ương, kiến nghị với Nhà nước, đặc biệt là Quốc hội cần xem xét và tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chỉnh sửa những nội dung không đồng bộ, bổ sung các quy định mới nhằm tạo một hệ thống pháp luật dần hoàn thiện với thông lệ quốc tế. Tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài của Thành phố Hà Nội. Xây dựng hệ thống chính sách liên quan đến FDI theo hướng nhất quán, công khai, minh bạch, có tính dự báo; Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý, hoàn thiện cơ chế phân cấp trong kiểm tra, kiểm soát FDI theo hướng phát huy quyền chủ động của các phòng, ban, địa phương; Đồng thời, đảm bảo tập trung thống nhất, đặc biệt là đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội và của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và ban hành quy định về thanh tra, kiểm tra và thẩm định các dự án FDI; quy định về công tác giám sát, kiểm tra quản lý hoạt động FDI; công tác giám sát hoạt động của các doanh nghiệp FDI. Việc quản lý chặt chẽ và theo dõi kịp thời các hoạt động của mỗi dự án góp phần đề xuất được các định hướng và biện pháp chi phối nhằm tránh lãng phí trong đầu tư và để lại những hậu quả gây thiệt hại cho kinh tế của thành phố. Đặc biệt trong quá trình thẩm định dự án đầu tư, là một trong những công tác quan trọng nhất đối với bên nhận đầu tư, với một quy trình thẩm định hiệu quả và chi tiết thì công tác thẩm định không chỉ được rút ngắn thời gian mà còn nhanh chóng xác định được những mặt hạn chế hay tích cực của dự án tác động đến kinh tế - xã hội của thành phố.

- Bộ Tài chính, cần xem xét và điều chỉnh cơ chế, chính sách, nghiên cứu tỷ lệ điều tiết hợp lý cho ngân sách địa phương bảo đảm tương ứng với vai trò đóng góp ngân sách của Thành phố đối với ngân sách trung ương, tạo nguồn lực cho Thành phố tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách ưu đãi về đất đai để đảm bảo tính đồng bộ giữa pháp luật đất đai, pháp luật về đầu tư và các chính sách khác của Nhà nước; Cho phép các doanh nghiệp FDI vay vốn nước ngoài theo cơ chế tự vay tự trả trên cơ sở có năng lực trả

nợ từ nguồn thu của dự án, đặc biệt là các dự án trực tiếp tạo ra nguồn thu bằng ngoại tệ đủ để trả nợ nước ngoài. Chính sách ưu đãi về thuế nhằm khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn do tác động từ thị trường để doanh nghiệp hoạt động có

hiệu quả. Chính sách ưu đãi phải được công khai, công bằng, các điều kiện phải rõ ràng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng.

b, Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để thu hút vốn FDI

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp chặt chẽ với Thành phố Hà Nội trong xúc tiến, thu hút đầu tư, giới thiệu cho Hà Nội những dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn, phối hợp, hỗ trợ Hà Nội tối ưu hóa các điều kiện đăng ký kinh doanh, gia nhập thị trường cho doanh nghiệp; Đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp của Hà Nội trong thực hiện chuyển đổi số.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư mở rộng thẩm quyền, phân cấp cho Thành phố một số quyền như: Hoạch định các chính sách, kế hoạch khuyến khích, kêu gọi thu hút vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với các lợi thế so sánh, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của Thành phố ngoài các chính sách của Trung ương...
- Về đối tác, cần mở rộng, đa phương hóa quan hệ hợp tác với các nhà đầu tư thông qua các hoạt động đối ngoại, các diễn đàn quốc tế, các hoạt động xúc tiến đầu tư trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, APEC, ASEM và các cuộc hội thảo về hợp tác đầu tư trong nước và ngoài nước. Chú trọng phát triển các hoạt động phối hợp chính sách với từng đối tác thành viên trong AEC để tạo khả năng thích nghi lẫn nhau song phương có hiệu quả.

c, Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật để thu hút vốn FDI

- Thành phố Hà Nội nên tiến hành công cuộc tổng rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Công tác quy hoạch và thực thi quy hoạch, cũng như thu hút đầu tư vào các công trình năng lượng cũng nên được tăng cường hơn so với giai đoạn trước.
- Đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực (y tế - giáo dục) đã cam kết khi gia nhập WTO. Việc ban hành một số giải pháp mở cửa nên được xem xét sớm hơn mức độ cam kết đối với một số lĩnh vực dịch vụ mà Thành phố muốn phát triển.

d, Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn lao động của các doanh nghiệp vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đội ngũ cán bộ công nhân viên cần được tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết về luật pháp, chính sách về công tác đầu tư với nước ngoài, trình độ chuyên môn cần được cải thiện hướng tới đáp ứng yêu cầu hội nhập và giao lưu quốc tế. Có đề án dài hạn về đào tạo và sử dụng cán bộ nguồn trẻ, được đào tạo cơ bản và xuất thân từ những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc các trường đại học trong nước và ngoài nước. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ cần phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, thông

thạo ngoại ngữ có khả năng đàm phán quốc tế để có thể bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đi cùng với đó, việc đào tạo các công nhân lành nghề làm việc cho các doanh nghiệp FDI cũng cần được chú trọng và lý thuyết chương trình phù hợp phải phù hợp

với triển vọng trong tương lai của ngành nghề này. Khuyến khích và có các quy định cụ thể đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về đào tạo tay nghề, nhất là huấn luyện kỹ thuật.

Kiên quyết xử lý các cán bộ công chức nhà nước ở bất kỳ cương vị nào trong bộ máy có thái độ và hành động tham nhũng, những nhiễu gây cản trở cho việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Song hành với đó là có phụ cấp, khen thưởng cho những cán bộ có nhiều thành tích trong công tác thu hút nguồn vốn này, tán dương các nhà đầu tư nước ngoài làm ăn có hiệu quả và có nhiều đóng góp cho thành phố.

e, Chống chuyển giá trong quá trình thu hút vốn FDI.

Thực hiện chính sách kiểm soát các chiến lược chuyển giá nhằm trốn thuế chẳng hạn hoàn chỉnh các phương pháp định giá chuyển giao trong các doanh nghiệp FDI kiểm soát các chính sách về định giá chuyển giao trong nội bộ các công ty đa quốc gia, các tập đoàn kinh tế lớn dựa theo tiêu chuẩn giá thị trường, kiểm soát và giám sát các khoản về chi phí lãi tiền vay, tiền bản quyền, quản lý, quảng cáo, tiền lương cho người nước ngoài. Đây là những chi phí dễ thực hiện hoạt động chuyển giá. Nếu phát hiện doanh nghiệp có hoạt động chuyển giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư có quyền rút giấy phép kinh doanh.

f, Bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình thu hút FDI vào Thành phố.

Chú trọng thu hút các doanh nghiệp FDI “sạch”, thân thiện với môi trường. Hà Nội cần thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước đối với các doanh nghiệp FDI về môi trường; Đánh giá một cách khoa học, khách quan những vấn đề môi trường đang tồn tại và những nguy cơ có thể xảy ra, trên cơ sở đó đưa yêu cầu bắt buộc đối với doanh nghiệp FDI về các phương án biện pháp khắc phục chất thải ra môi trường bên ngoài và phải được cơ quan thẩm quyền phê duyệt từ trước khi dự án được thành lập.

g, Cải cách hành chính

- Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý nhà nước đối với đầu tư nước ngoài, đặc biệt là trong phê duyệt, cấp giấy chứng nhận đầu tư, quản lý tốt các dự án FDI, gắn liền với việc tăng cường hợp tác, hỗ trợ, phối hợp hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về đầu tư.

- Tăng cường cơ chế phối hợp quản lý vốn đầu tư nước ngoài giữa cấp thành phố và cấp quận, huyện; giữa các Bộ và cơ quan liên ngành.

- Đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính đối với đầu tư nước ngoài. Đảm bảo được sự thống nhất và phù hợp với điều kiện cụ thể của thành phố.
- Nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật đầu tư và Quy định về phân cấp quản lý đầu tư nước ngoài.

- Xử lý kịp thời các khúc mắc hay vấn đề gặp phải của nhà đầu tư trong quá trình cấp phép, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư. Tinh thần trách nhiệm cá nhân nên được đề cao trong quá trình xử lý công việc, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm ở các cơ quan quản lý nhà nước.

h, Tăng cường thu hút kỹ thuật – công nghệ cao trong các doanh nghiệp FDI

Thành phố Hà Nội đẩy mạnh việc hoàn thiện khu công nghệ cao Hòa Lạc đồng thời hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, để có cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc tăng cường hiệu quả thu hút các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có dự án về công nghệ cao.

k, Giải pháp khác

- * Nâng cao nhận thức của người dân và cập nhật quy hoạch đầu tư FDI.

Chú trọng công tác tuyên truyền đến người dân, nhằm nâng cao nhận thức, giúp người dân hiểu tầm quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ đó người dân có ý thức chấp hành tốt chủ trương của Thành phố.

Tập trung vốn để thực hiện nhanh, giải quyết dứt điểm công tác đền bù, giải phóng mặt bằng. Tránh tình trạng kéo dài việc thực hiện đền bù giải tỏa hoặc khi đã xây dựng xong, khiến người dân gây áp lực tăng giá bồi hoàn gây khó khăn trong vấn đề cho thuê đất sau này.

Đổi mới chính sách: Dựa trên thế mạnh và lợi thế so sánh của Thành phố, chính quyền cần có kế hoạch quy hoạch phát triển theo từng lĩnh vực kinh tế và theo từng nhóm ngành cụ thể để thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn FDI lâu dài. Cụ thể:

- Hình thành, phát triển hệ thống sản phẩm chủ lực, nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và hiệu ứng tổng hợp từ các mối liên kết sản xuất, kinh doanh.

- Phát triển sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao như: Phần mềm, điện tử công nghiệp và dân dụng; Các sản phẩm hóa dầu; Vật liệu xây dựng cao cấp; Cơ khí chế tạo, thiết bị, phụ tùng và sửa chữa,...

- Phát triển các loại dịch vụ chất lượng cao, tạo giá trị gia tăng lớn như dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, viễn thông, vận tải; Chuyển giao công nghệ; Du lịch; Thị trường bất động sản, thị trường vốn,...

*** Định hướng rõ ý tưởng phát triển trong thu hút FDI vào Thành phố**

Ưu tiên phát triển các dự án trọng điểm cấp quốc tế, quốc gia lamg động lực chính phát triển kinh tế - xã hội cho Thành phố theo từng lĩnh vực cụ thể:

- Tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoang thiện hệ thống hạ tầng kinh tế theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ và đi trước một bước. Ưu tiên hoàn thành các hệ thống đường cao tốc, đường bộ,... theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm kết nối

giữa các khu vực và giữa các phương thức vận tải. Tập trung giải quyết tốt vấn đề tắc nghẽn giao thông, ngập úng tại Thành phố.

- Về hạ tầng xã hội: Đầu tư các dự án trong điểm đầu tư các trung tâm ý tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa – thể dục thể thao tại khu vực ngoại thành Thành phố để giảm tải cho khi vực nội thành.

Thực hiện cải cách thủ tục hành chính: Cần đơn giản và công khai quy trình, thủ tục hành chính đối với đầu tư nước ngoài, ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư về các thủ tục đầu tư, thủ tục cấp phép, luật kinh doanh

ở Việt Nam. Hơn thế nữa, nhân lực, vật lực, trí lực cần được đầu tư và thực hiện có hiệu quả chính sách cải tiến việc đăng ký kinh doanh. Đó là chính sách một cửa nhằm giảm nhanh và rút ngắn các thủ tục hành chính. Để làm được điều đó cần có chính sách hợp lý về ngân sách và thời gian nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ; Ngăn chặn kịp thời những hành vi nhũng nhiễu gây khó khăn cho doanh nghiệp của một bộ phận đội ngũ cán bộ công chức.

3.3. Một số kiến nghị đối với cơ quan hữu quan.

Thứ nhất, về cơ sở hạ tầng, ưu tiên nguồn vốn ngân sách để hoàn thành sớm các dự án còn dang dở. Đồng thời, cần lựa chọn một số khu vực trọng điểm trong Thành phố để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng theo hướng hiện đại, tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư. Song song đó, cần có cơ chế giám sát nhằm đảm bảo nguồn vốn ngân sách được sử dụng đúng việc, đúng mục đích với hiệu quả sử dụng cao nhất.

Thứ hai, nhằm củng cố niềm tin cho nhà đầu tư, cần cải thiện môi trường kinh doanh, bao gồm các nội dung sau:

Bảo vệ môi trường thông qua: Xử lý và tiến tới đóng cửa các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường; Khuyến khích sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào, phương pháp sản xuất, chế tạo,... thân thiện với môi trường; Tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất và sinh hoạt cùng các chế tài kèm theo.

Về việc tăng cường đảm bảo sở hữu trí tuệ, Nhà nước cần có chính sách xử lý mang tính răn đe đối với những trường hợp cố tình xâm hại thương hiệu, làm hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng.

Tiết giảm thời gian thực hiện và đơn giản các thủ tục hành chính bằng cách: Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành dễ hiểu và dễ thực hiện; Tinh gọn bộ máy;

Quy định rõ trách nhiệm của từng khâu, từng bộ phận trong việc tác nghiệp xử lý thủ tục hành chính, nhất là trong các lĩnh vực liên quan đến cấp phép kinh doanh, giấy phép lao động, quản lý thị thực, thủ tục hải quan, thuế.

Thứ ba, việc ban hành các chính sách ưu đãi nguồn vốn FDI phải có sự phân cấp theo hướng ưu tiên cho các nhà đầu tư lớn và có quan hệ lâu năm; Dự án có công nghệ

tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước bằng cách: Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, đầu tư khoa học công nghệ tại doanh nghiệp bằng các lợi ích cụ thể liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp; Tăng cường công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và đào tạo lồng ghép trong doanh nghiệp. khởi ngành nghề, hiệp hội; Hoàn thiện công tác hướng nghiệp cho học sinh – sinh viên phù hợp với năng lực và sở trường của bản thân; Có chính sách thu hút, kêu gọi người tài về làm việc trong nước; Đổi mới chương trình giáo dục theo hướng lý thuyết đi đôi với thực hành. Nguồn nhân lực của Việt Nam phải sẵn sàng đáp ứng được yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ năm, cần nâng cao khả năng chuyển giao công nghệ bằng cách đưa ra các tiêu chuẩn về trình độ công nghệ đối với các dự án đầu tư vào; Yêu cầu nhà đầu tư có cam kết về việc chuyển giao công nghệ; Tăng cường hình thức đầu tư mua cổ phần hoặc sáp nhập, mua lại doanh nghiệp; Đẩy mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI.

KẾT LUẬN

Thành phố Hà Nội là một trong những trung tâm kinh tế lớn của cả nước, hội tụ đầy đủ những tiềm năng và lợi thế trong thu hút FDI. Trong những năm qua, Thành phố Hà Nội đã thu hút được nhiều dự án FDI. Tác động tích cực của hoạt động FDI đến tăng trưởng kinh tế được thể hiện ngày càng rõ, tuy nhiên những hệ lụy từ việc phát triển quá mức hoạt động FDI cũng mang lại những ảnh hưởng nặng nề về kinh tế, xã hội và đặc biệt là môi trường.

Nguyên nhân của những hạn chế trên đây là do: Hệ thống pháp luật về đầu tư nước ngoài còn nhiều bất cập; Quản lý nhà nước về FDI còn yếu kém; Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu; Chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế của Thành phố Hà Nội; Hạ tầng kinh tế - xã hội kỹ thuật, nhất là giao thông vẫn đang là vấn đề lớn và một phần xuất phát cả từ mục tiêu của nhà đầu tư.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém và nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực của FDI đối với Thành phố Hà Nội, cần phải thực hiện đồng bộ và hiệu quả nhiều giải pháp, kiến nghị cụ thể, bao gồm:

Từ phía Chính phủ và các cơ quan ngoài Thành phố Hà Nội: Cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động FDI; Hoàn thiện chính sách ưu đãi đất đai; ...

Đối với Thành phố Hà Nội: Đổi mới về nội dung và phương thức vận động, xúc tiến đầu tư; Phát triển nguồn nhân lực; Xây dựng các tuyến giao thông mới, tạo thành các hành lang kinh tế; chú trọng thu hút các doanh nghiệp FDI “sạch”, thân thiện với môi trường. Đồng thời nâng cao nhận thức của người dân, cập nhật quy hoạch đầu tư FDI; Định hướng rõ ý tưởng phát triển trong thu hút FDI vào Thành phố.

Một số kiến nghị đối với cơ quan hữu quan: Ưu tiên nguồn vốn ngân sách để hoàn thành sớm các dự án còn dang dở; Cải thiện môi trường kinh doanh; Ban hành các chính sách ưu đãi nguồn vốn FDI phải có sự phân cấp; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và khả năng chuyển giao công nghệ.

Để thực hiện tốt những giải pháp, kiến nghị trên đây đòi hỏi phải có sự kết hợp linh hoạt, nhịp nhàng trong hoạt động quản lý của Nhà nước từ cấp Trung ương đến cấp địa phương. Tuy nhiên, trong xu hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý hoạt động đầu tư như hiện nay, cần hết sức chú trọng đến việc tăng cường phối hợp và nâng cao năng lực quản lý ở các cấp chính quyền, đặc biệt là chính quyền địa phương.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.____ Báo chính phủ (2017), *Hà Nội đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch với Nhật* Bản,
<https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/ha-noi-day-manh-xuc-tien-dau-tu-thuong-mai-du-lich-voi-nhat-ban-126030.html>, ngày truy cập 20/12.
- 2.____ Báo chính phủ (2017), *Hà Nội đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch với Nhật* Bản,
<https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/ha-noi-day-manh-xuc-tien-dau-tu-thuong-mai-du-lich-voi-nhat-ban-126030.html>, ngày truy cập 20/12.
- 3.____ Bộ Ngoại Giao Việt Nam (2021), UNCTAD đánh giá FDI toàn cầu giảm 42% trong năm 2020, dự báo triển vọng năm 2021 vẫn còn ảm đạm, Hà Nội.
- 4.____ BD (2018), *Năm 2018 Hà Nội thu hút trên 36 tỷ USD vốn FDI*, Tạp chí tài chính,
<https://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/nam-2018-ha-noi-thu-hut-tren-36-ty-usd-von-fdi-301357.html>, ngày truy cập 19/12
- 5.____ Công thương (2019), Hà Nội tăng cường thu hút vốn đầu tư Nhật Bản, Hà Nội.
- 6.____ Cổng thông tin điện tử - Sở Công Thương thành phố Hà Nội (2020),
<http://congthuong.hanoi.gov.vn/>
- 7.____ Cổng thông tin điện tử - Trung tâm xúc tiến đầu tư, du lịch, thương mại thành phố Hà Nội (2020), <http://hpa.hanoi.gov.vn/>
- 8.____ Cục đầu tư nước ngoài (2015), Tình hình đầu tư Nhật Bản tại Việt Nam, Hà Nội.
- 9.____ Hạnh Nguyên (2020), *5 năm 2016-2020 Hà Nội thu hút 25,5 tỷ USD vốn FDI*, Báo đầu tư,
<https://baodautu.vn/5-nam-2016-2020-ha-noi-thu-hut-255-ty-usd-von-fdi-d130457.html>, ngày truy cập 19/12.
- 10.____ HPA (2018), *Một số định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Hà Nội trong thời gian tới*, UBND Thành Phố Hà Nội trung tâm xúc tiến đầu tư Thương mại du lịch,
<http://hpa.hanoi.gov.vn/danh-cho-doanh-nghep/chinh-sach-moi/ha-noi/mot-so-dinh-huong-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-cua-ha-noi-trong-thoi-gian-toi-a10886>, ngày truy cập 22/12.

11.____Minh Anh (2017), *Hà Nội thu hút hơn 3,3 tỷ USD vốn FDI trong năm 2017*, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, <https://thanglong.chinhphu.vn/ha-noi-thu-hut-hon-3-3-ty-uds-von-fdi-trong-nam-2017>, ngày truy cập 19/12

12. PGS.TS Từ Quang Phương và PGS.TS Phạm Văn Hùng (2013), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

13. Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (2019), *Hà Nội tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư, kinh doanh*, Hà Nội.

14. Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (2020), *Hà Nội: Thu hút FDI 11 tháng năm 2020 đạt 3,2 tỷ USD*, Hà Nội.

15. ____Thảo Miên (2016), *Hàn Quốc đứng thứ hai về đầu tư vào Hà Nội*, <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2016-11-30/han-quoc-dung-thu-hai-ve-dau-tu-vao-ha-noi-38490.aspx>, ngày truy cập 19/12.
16. ____Thu Trang (2019), *Năm 2019: Hà Nội thu hút trên 8,4 tỷ USD vốn FDI, giải ngân 74%*, Báo đầu tư, <https://baodautu.vn/nam-2019-ha-noi-thu-hut-tren-84-ty-usd-von-fdi-giai-ngan-74-d113718.html>, truy cập ngày 19/12.
17. ____TS. Nguyễn Minh Phong và Ths Nguyễn Trần Minh Trí (2016), *Đột phá trong thu hút FDI vào Hà Nội*, Báo nhân dân, <https://nhandan.com.vn/chuyen-lam-an/dot-pha-trong-thu-hut-fdi-vao-ha-noi-274715/>, ngày truy cập 20/12.
18. ____Trâm Anh (2020), *Bất chấp Covid-19, vốn FDI vẫn đổ vào Hà Nội*, Kinh tế đô thị, <http://kinhtedothi.vn/bat-chap-covid-19-von-fdi-van-do-vao-ha-noi-388161.html>, ngày truy cập 15/12
19. ____Trung Anh (2021), *Hà Nội sẽ ưu tiên thu hút đầu tư FDI trong lĩnh vực công nghệ cao*, Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/ha-noi-se-uu-tien-thu-hut-dau-tu-fdi-trong-linh-vuc-cong-nghe-cao-573148.html>, ngày truy cập 20/12